

Đồng Nai, ngày 21 tháng 10 năm 2019

CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN
CUỘC THI TRỰC TUYẾN “TÌM HIỂU PHÁP LUẬT NĂM 2019”
*(Kèm theo Thông báo số 184/TB-BTCCT ngày 21/10/2019 của
Ban Tổ chức Cuộc thi)*

Ghi chú: Đáp án đúng của các câu hỏi là đáp án được in đậm.

I. BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Câu 1: Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào?

- a) Có hiệu lực từ ngày 27/11/2016.
- b) Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.**
- c) Có hiệu lực từ ngày 10/7/2017.
- d) Có hiệu lực từ ngày 20/6/2017.

Câu 2: Cơ sở của trách nhiệm hình sự là gì?

a) **Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.**

b) Tất cả các hành vi được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

d) Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 3: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017?

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

c) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

d) Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Câu 4: *Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017?*

a) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế.

b) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra.

d) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình một cách thiện chí, trung thực.

Câu 5: *Ai không có trách nhiệm trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015?*

a) Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

b) Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

c) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

d) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Câu 6: *Tội phạm là gì?*

a) **Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn**

hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự.

b) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự.

c) Tội phạm là người có hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị xử lý trách nhiệm hình sự.

d) Tội phạm là người phạm tội và bị xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định.

Câu 7: *Tội phạm được phân thành mấy loại?*

a) 04 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

b) 03 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

c) 05 loại: Tội phạm rất ít nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

d) 02 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng.

Câu 8: *Các hình phạt áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng như thế nào?*

a) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

b) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm.

c) Phạt tù đến 03 năm.

d) Phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

Câu 9: *Tội phạm nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là bao nhiêu năm tù?*

a) Từ trên 02 năm tù đến 05 năm tù.

b) Từ 03 năm tù đến 07 năm tù.

c) Từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù.

d) Từ trên 03 năm tù đến 05 năm tù.

Câu 10: *Tội phạm rất nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là bao nhiêu năm tù?*

a) Từ trên 05 năm tù đến 7 năm tù.

b) Từ trên 07 năm tù đến 10 năm tù.

c) Từ 07 năm tù đến 15 năm tù.

d) Từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù.

Câu 11: *Khung hình phạt áp dụng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như thế nào?*

a) Từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù.

b) Từ trên 15 năm tù đến 30 năm tù, chung thân hoặc tử hình.

c) Từ 20 năm tù đến 30 năm tù.

d) Từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Câu 12: *Theo quy định của Bộ luật Hình sự, công dân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống tội phạm không?*

a) Không có trách nhiệm.

b) Trách nhiệm của cơ quan công an và tòa án.

c) Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

d) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

Câu 13: *Vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp nào sau đây?*

a) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó hoặc người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

b) Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng mặc kệ nó xảy ra vì nghĩ là do lỗi khách quan.

c) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù đã được cảnh báo hậu quả đó có thể xảy ra.

d) Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Câu 14: *Người phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Chỉ chịu trách nhiệm về tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

b) Chỉ chịu trách nhiệm về tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

d) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 15: *Thế nào là phạm tội chưa đạt?*

a) **Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.**

b) Phạm tội chưa đạt là thực hiện tội phạm nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội nên không có kết quả.

c) Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện phạm tội đến cùng nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn nên không đạt kết quả.

d) Phạm tội chưa đạt người phạm tội cố ý thực hiện đến cùng nhưng do người khác cản trở nên không đạt kết quả.

Câu 16: *Phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Người phạm tội chưa đạt không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Người phạm tội chưa đạt chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

c) **Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.**

d) Người phạm tội chưa đạt chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm;

Câu 17: *Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là gì?*

a) **Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.**

b) Tự ý nửa chừng là hành vi của người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng.

c) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng vì có người ngăn cản.

d) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng do bị ngăn cản hoặc không thể thực hiện được.

Câu 18: *Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Được miễn trách nhiệm hình sự.

c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn trách nhiệm hình sự nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác.

d) **Được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.**

Câu 19: *Đồng phạm là gì?*

- a) Đồng phạm là phạm tội có hai người trở lên.
- b) Đồng phạm là hai người cùng phạm một tội.
- c) Đồng phạm là nhiều người thực hiện phạm tội.

d) Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

Câu 20: *Phạm tội có tổ chức là gì?*

a) Là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

- b) Là hình thức nhiều người cùng thực hiện phạm tội.
- c) Là hình thức nhiều người cùng bàn bạc và cùng thực hiện.
- d) Là hình thức phạm tội do người khác chỉ đạo.

Câu 21: *Đồng phạm bao gồm những người nào?*

a) Đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

b) Đồng phạm bao gồm người chỉ đạo điều hành, người xúi giục, người biết sự việc.

c) Đồng phạm bao gồm người đứng đầu nhóm tội phạm, người thực hành, người giúp sức.

d) Đồng phạm bao gồm người giúp sức, người thực hành.

Câu 22: *Người đồng phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành không?*

a) Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành, nếu không có hậu quả xảy ra.

b) Người đồng phạm chỉ chịu trách nhiệm hình sự do mình chỉ đạo người thực hành nếu có hậu quả xảy ra.

c) Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

d) Người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

Câu 23: *Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó (sự kiện bất ngờ) có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) **Không phải chịu trách nhiệm hình sự.**
- b) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ một số trường hợp khác.

Câu 24: *Phòng vệ chính đáng có phải là tội phạm không?*

- a) **Không phải là tội phạm.**
- b) Là tội phạm.
- c) Không phải tội phạm, trừ một số trường hợp.
- d) Là tội phạm khi gây hậu quả nghiêm trọng.

Câu 25: *Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hành vi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hậu quả nghiêm trọng xảy ra.
- d) **Phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.**

Câu 26: *Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là gì?*

- a) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không còn là tội phạm.
- b) **Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.**
- c) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội được xóa trách nhiệm hình sự.
- d) Là hết thời gian do Bộ luật Hình sự quy định thì được miễn tội.

Câu 27: *Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng là bao nhiêu năm?*

- a) 03 năm.
- b) **05 năm.**
- c) 07 năm.
- d) 04 năm.

Câu 28: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) **10 năm.**
- b) 05 năm.
- c) 12 năm.
- d) 08 năm.

Câu 29: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm rất nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) **15 năm.**
- c) 12 năm.
- d) 20 năm.

Câu 30: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.
- c) **20 năm.**
- d) 30 năm.

Câu 31: Mục đích của hình phạt để làm gì?

- a) Nhằm trừng trị những người phạm tội.
- b) Nhằm đảm bảo trật tự xã hội và trừng trị cá nhân, pháp nhân phạm tội.
- c) Nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội, giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới.

d) Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Câu 32: Các hình phạt chính nào áp dụng đối với người phạm tội?

- a) Cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất; tù có thời hạn; chung thân; tử hình.
- b) Cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.
- c) **Án treo; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.**

d) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; chung thân; tử hình.

Câu 33: Bộ luật Hình sự quy định mức phạt tiền thấp nhất là bao nhiêu?

- a) **1.000.000 đồng.**
- b) 1.500.000 đồng.
- c) 2.000.000 đồng.
- d) Bằng mức lương tối thiểu.

Câu 34: Thời gian áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là bao lâu?

- a) Từ 03 tháng đến 02 năm.
- b) **Từ 06 tháng đến 03 năm.**
- c) Từ 01 năm đến 03 năm.
- d) Từ 06 tháng đến 02 năm.

Câu 35: Hình phạt trục xuất được áp dụng đối với người nào?

- a) **Người nước ngoài phạm tội.**
- b) Người Việt Nam phạm tội.
- c) Người Việt Nam và người nước ngoài phạm tội.
- d) Đối với tất cả người phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam.

Câu 36: Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối đa là bao nhiêu năm?

- a) **20 năm.**
- b) 25 năm.
- c) 30 năm.
- d) 15 năm.

Câu 37: Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là bao nhiêu?

- a) **03 tháng.**
- b) 06 tháng.
- c) 09 tháng.
- d) 01 năm.

Câu 38: Hình phạt tù chung thân được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp nào?

- a) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

- b) Phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Tất cả các loại tội phạm nếu có nhiều tình tiết tăng nặng.
- d) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.**

Câu 39: *Hình phạt tù chung thân có áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không?*

- a) Có.
- b) Không.**
- c) Áp dụng tùy trường hợp phạm tội.
- d) Có, trong trường hợp phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 40: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống là bao nhiêu năm?*

- a) 02 năm.
- b) 03 năm.
- c) 04 năm.
- d) 05 năm.**

Câu 41: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù từ trên 03 năm đến 15 năm là bao nhiêu năm?*

- a) 06 năm.
- b) 07 năm.
- c) 10 năm.**
- d) 15 năm.

Câu 42: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm là bao nhiêu năm?*

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.**
- c) 20 năm.
- d) 25 năm.

Câu 43: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù chung thân hoặc tử hình là bao nhiêu năm?*

- a) 15 năm.

b) 20 năm.

c) 25 năm.

d) 30 năm.

Câu 44: *Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với loại tội phạm nào?*

a) Tội phạm giết người.

b) Tội tham ô tài sản.

c) Tội khủng bố, chống loài người.

d) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh và một số tội khác do Bộ luật Hình sự quy định.

Câu 45: *Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt trong trường hợp nào?*

a) Chỉ trong trường hợp được đại xá.

b) Chỉ trong trường hợp được đặc xá.

c) Trường hợp bị ốm nặng.

d) Trong trường hợp được đại xá hoặc đặc xá.

Câu 46: *Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không?*

a) Có.

b) Không.

c) Tùy từng trường hợp.

d) Có, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Câu 47: *Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì có khấu trừ thu nhập của người đó không?*

a) Có.

b) Không.

c) Tùy trường hợp.

d) Trừ vào thu nhập của người giám hộ.

Câu 48: *Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là bao nhiêu?*

a) Không quá 1/2 thời hạn mà điều luật quy định.

b) 1/3 thời hạn mà điều luật quy định.

c) Không quá 2/3 thời hạn mà điều luật quy định.

d) 1/4 thời hạn mà điều luật quy định.

Câu 49: *Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức áp dụng cho đối tượng này là bao nhiêu năm?*

a) Cao nhất không quá 20 năm tù.

b) Cao nhất không quá 15 năm tù.

c) Cao nhất không quá 18 năm tù.

d) Cao nhất không quá 17 năm tù.

Câu 50: *Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm nào?*

a) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

b) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

c) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.

d) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự từ tội ít nghiêm trọng đến tội đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 51: *Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm nào?*

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các loại tội phạm.

c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.

d) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại một số điều của Bộ luật Hình sự.

Câu 52: *Người che giấu tội phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.

b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng và các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.

d) Chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật Hình sự quy định. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu

trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự.

Câu 53: *Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Không chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 54: *Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.

c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- d) Phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp phạm tội.

Câu 55: *Người không tố giác tội phạm là người bào chữa có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm an ninh quốc gia.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

Câu 56: *Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các loại tội phạm nào sau đây?*

a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

- b) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Tội phạm giết người.
- d) Tội mua bán người.

Câu 57: *Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ nào?*

a) **Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hoặc khi có quyết định đại xá.**

b) Khi có đơn xin đặc xá.

c) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, cho rằng hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

d) Khi có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Câu 58: *Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào?*

a) **Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.**

b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo.

c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm.

d) Người phạm tội tích cực khắc phục hậu quả và có công hiến đặc biệt cho Nhà nước được xã hội thừa nhận.

Câu 59: *Các hình phạt bổ sung nào áp dụng đối với người phạm tội?*

a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

b) **Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.**

c) Tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

d) Tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền.

Câu 60: *Các hình phạt chính nào áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội?*

a) Phạt tiền.

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

d) Phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Câu 61: *Các hình phạt bổ sung nào áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội?*

a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

b) Cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Câu 62: *Hình phạt cảnh cáo được áp dụng đối với loại tội phạm nào?*

a) Tội phạm ít nghiêm trọng.

b) Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

c) Người phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng.

d) Người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Câu 63: *Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các tội phạm trong trường hợp nào?*

a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật Hình sự quy định.

b) Tội phạm ma túy.

c) Tội tham ô tài sản.

d) Tội phạm liên quan đến tài sản.

Câu 64: *Cải tạo không giam giữ áp dụng trong trường hợp nào?*

a) Từ 03 tháng đến 02 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

b) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

c) Từ 01 năm đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có

nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

d) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định.

Câu 65: *Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người phạm tội trong trường hợp nào?*

a) **Người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.**

b) Người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng.

c) Người phạm tội do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.

d) Người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Câu 66: *Trường hợp nào sau đây không áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội, hãy lựa chọn đáp án sai?*

a) Người dưới 18 tuổi phạm tội.

b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Người từ đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.

d) Người tích cực lập công, chuộc tội.

Câu 67: *Trường hợp nào sau đây không thi hành án tử hình đối với người bị kết án, hãy lựa chọn đáp án sai?*

a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

b) Người đủ 75 tuổi trở lên.

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

d) Người bị bệnh.

Câu 68: *Biện pháp tư pháp nào không áp dụng đối với người phạm tội?*

a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.

b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.

c) Bắt buộc chữa bệnh.

d) Khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Câu 69: *Biện pháp tư pháp nào không áp dụng đối với pháp nhân phạm tội?*

- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- c) Khôi phục lại tình trạng ban đầu và thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.
- d) Bắt buộc chữa bệnh.**

Câu 70: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.
- d) Phạm tội có tổ chức.**

Câu 71: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra.
- b) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra.
- c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.
- d) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.**

Câu 72: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
- b) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức.
- c) Phạm tội do lạc hậu.
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.**

Câu 73: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên.
- b) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.
- c) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.
- d) Phạm tội 02 lần trở lên.**

Câu 74: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội tự thú hoặc người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- b) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.
- c) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.
- d) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.**

Câu 75: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.
- b) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.
- c) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.
- d) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng.**

Câu 76: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội có tổ chức hoặc phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.
- c) Phạm tội có tính chất côn đồ hoặc phạm tội vì động cơ đê hèn.
- d) Phạm tội do lạc hậu.**

Câu 77: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.
- b) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.
- c) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác.
- d) Người phạm tội là phụ nữ có thai.**

Câu 78: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự là gì?*

- a) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án xem như không phạm tội.

b) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án được miễn chấp hành.

c) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

d) Là khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

Câu 79: *Người đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn không?*

a) Có thể tha tù trước thời hạn khi có ý thức cải tạo tốt.

b) Có thể tha tù trước thời hạn khi có nơi cư trú rõ ràng và đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và án phí.

c) Không.

d) Có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Bộ luật Hình sự.

Câu 80: *Trường hợp nào sau đây thì người bị xử phạt tù không được hoãn chấp hành hình phạt?*

a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục.

b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi.

c) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.

d) Là người lao động duy nhất trong gia đình phạm tội bạo loạn.

Câu 81: *Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?*

a) Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

b) Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

c) Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 82: *Xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội có áp dụng hình phạt bổ sung không?*

- a) Có.
- b) Không.**
- c) Tùy trường hợp cụ thể.
- d) Có, khi người phạm tội có tài sản riêng.

Câu 83: *Các hình phạt nào được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?*

- a) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn.**
- b) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn; tù chung thân.
- c) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân.
- d) Cảnh cáo; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn.

Câu 84: *Hình phạt cải tạo không giam giữ có thể không áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp loại tội phạm nào?*

- a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý.
- b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng.
- c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.
- d) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cố ý phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia.**

Câu 85: *Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là bao nhiêu?*

- a) Không quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- b) Không quá 1/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- c) Không quá 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- d) Không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.**

Câu 86: *Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt áp dụng cho đối tượng này là bao nhiêu năm tù?*

- a) Cao nhất không quá 10 năm tù.
- b) Cao nhất không quá 12 năm tù.**
- c) Cao nhất không quá 15 năm tù.

d) Cao nhất không quá 18 năm tù.

Câu 87: *Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là bao nhiêu?*

a) Không quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.

b) Không quá 1/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.

c) Không quá 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.

d) Không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.

Câu 88: *Pháp nhân thương mại bị tòa án quyết định cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định trong thời gian bao nhiêu năm?*

a) Từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

b) Từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

c) Từ 01 đến 04 năm.

d) Từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Câu 89: *Thời hạn đình chỉ hoạt động của pháp nhân thương mại là bao nhiêu?*

a) Từ 03 tháng đến 03 năm.

b) Từ 06 tháng đến 03 năm.

c) Từ 06 tháng đến 02 năm.

d) Từ 01 năm đến 03 năm.

Câu 90: *Pháp nhân thương mại phạm tội có bị đình chỉ vĩnh viễn không?*

a) Có.

b) Không.

c) Tùy trường hợp.

d) Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

Câu 91: *Pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt không?*

a) Không.

b) Có.

c) Tùy trường hợp.

d) Có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Câu 92: *Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích không?*

- a) Không.
- b) Có.
- c) Tùy vào mức độ phạm tội của pháp nhân.

d) Có, nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.

Câu 93: *Các tội nào sau đây không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hãy lựa chọn đáp án sai.*

- a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia.
- b) Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.
- c) Tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

d) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

Câu 94: *Trường hợp người môi giới hối lộ chủ động khai báo trước pháp luật trước khi hành vi phạm tội được phát hiện, thì có thể được?*

- a) Coi là không có tội.
- b) Miễn trách nhiệm hình sự.**
- c) Hưởng án treo.
- d) Giảm nhẹ hình phạt.

Câu 95: *Tội tổ chức đua xe trái phép chỉ bị coi là tội phạm khi có kèm theo các dấu hiệu nào sau đây?*

- a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.
- b) Đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích.
- c) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này và đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích.

d) Không cần dấu hiệu nào.

Câu 96: *Tội tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, cấu thành tội phạm khi khối lượng hêrôin, côcain từ đủ?*

- a) 0,01 gam.

b) 0,1 gam.

c) 01 gam.

d) 0,5 gam.

Câu 97: *Người nào sau đây không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm, trù trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác theo quy định của Bộ luật Hình sự?*

a) Anh chị em ruột, cha, mẹ.

b) Cậu, dì, chú, bác.

c) Cô, dì, chú, bác.

d) Người có quan hệ họ hàng.

Câu 98: *Đứa trẻ sinh ra trong vòng bao nhiêu ngày tuổi là con mới đẻ theo quy định trong tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ?*

a) 05 ngày tuổi.

b) 07 ngày tuổi.

c) 10 ngày tuổi.

d) 15 ngày tuổi.

Câu 99: *Mức hình phạt cao nhất đối với tội cướp tài sản?*

a) Tử hình.

b) Chung thân.

c) 20 năm tù.

d) 15 năm tù.

Câu 100: *A và B chưa có tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. A và B cá độ trận đấu đá bóng thắng - thua bao nhiêu tiền thì bị xử lý hình sự?*

a) Từ 1 triệu đến dưới 2 triệu.

b) Từ 2 triệu đến dưới 5 triệu.

c) Từ 5 triệu đồng trở lên.

d) Từ 3 triệu đồng đến 05 triệu đồng.

Câu 101: *Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ bao nhiêu gói sẽ bị xử lý hình sự?*

a) 500 gói.

b) 1.000 gói.

c) 1.500 gói.

d) 2.000 gói.

Câu 102: *Một người đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản thì có thể phạm vào tội nào sau đây?*

a) Tội cướp tài sản.

b) Tội cưỡng đoạt tài sản.

c) Tội cướp giật tài sản.

d) Tội cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản.

Câu 103: *Trường hợp một người giả danh cán bộ thuế để lừa một người buôn lậu ra chỗ vắng rồi lợi dụng sơ hở giật hàng bỏ chạy thì phạm tội gì?*

a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Tội cướp giật tài sản.

c) Tội giả mạo chức vụ cấp bậc.

d) Không phạm tội.

Câu 104: *A là cảnh sát hình sự, B đánh người gây thương tích. A nói với B là sẽ giúp B không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, B nghĩ A là cảnh sát hình sự nên sẽ giúp được mình và đã đưa cho A số tiền 50 triệu đồng. Nhưng thực tế A không trực tiếp điều tra vụ án của B và cũng không giúp B như đã nói. Hỏi A phạm tội gì?*

a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

c) Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

d) Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Câu 105: *Trường hợp dùng vũ lực tấn công phụ nữ với ý định hiếp dâm nhưng bị chống cự quyết liệt nên đã giật dây chuyền bỏ chạy thì phạm tội gì?*

a) Tội hiếp dâm.

b) Tội cướp giật tài sản.

c) Tội hiếp dâm và cướp giật tài sản.

d) Tội cướp tài sản.

Câu 106: *Trường hợp đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng vì người bị đe dọa không trao tài sản nên người phạm tội đã thực hiện lời đe dọa giết người thì phạm tội gì?*

a) Tội cưỡng đoạt tài sản.

b) Tội cướp tài sản.

c) Tội giết người, cướp tài sản.

d) Tội giết người.

Câu 107: *Trường hợp dùng sừng tê giác giả để bán thì phạm tội gì?*

a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Tội lừa dối khách hàng.

c) Tội buôn bán hàng giả.

d) Tội kinh doanh trái phép.

Câu 108: *N 25 tuổi bị bệnh tâm thần bẩm sinh. Một lần ra đường, N đã bị chị M – người cùng xóm chọc ghẹo dẫn đến xô xát. Theo kết quả giám định y khoa, N đã gây tổn hại sức khỏe cho chị M hơn 40%. Hành vi của N thuộc trường hợp nào sau đây?*

a) Chỉ chịu trách nhiệm dân sự (bồi thường tiền thuốc).

b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chịu trách nhiệm hình sự theo quy định.

d) Chỉ chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 109: *Dùng tiền dụ dỗ trẻ em 15 tuổi là người nghiện ma túy để được giao cấu thì phạm tội gì?*

a) Tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

b) Tội cưỡng dâm người chưa thành niên.

c) Tội giao cấu với trẻ em.

d) Tội cưỡng dâm.

Câu 110: *Phá khóa nhà, dọn đồ vào ở khi chủ vắng nhà thì phạm tội gì?*

a) Tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

b) Tội trộm cắp tài sản.

c) Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở.

d) Tội sử dụng trái phép tài sản.

Câu 111: *A mua súng K54 cất giấu trong nhà, ý đồ khi có cơ hội sẽ sử dụng để cướp tài sản thì phạm tội gì?*

a) Tội mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng.

b) Tội cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị.

c) **Tội mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng và cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị.**

d) Tội cướp tài sản.

Câu 112: *Đóng giả Công an chặn kiểm tra đối tượng vận chuyển ma túy, làm người này đưa tiền và nộp số ma túy đang vận chuyển để được tha thì phạm tội gì?*

a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giả mạo chức vụ cấp bậc.

b) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và chiếm đoạt chất ma túy.

c) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

d) Tội chiếm đoạt chất ma túy.

Câu 113: *Điều tra viên nhận tiền hoặc lợi ích vật chất để làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phạm tội gì?*

a) Tội nhận hối lộ.

b) Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

c) Tội nhận hối lộ và tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

d) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Câu 114: *Người có chức vụ quyền hạn, đã nhận tiền để không truy cứu trách nhiệm hình sự người đưa tiền thì phạm tội gì?*

a) Tội nhận hối lộ.

b) Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

c) Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

d) Tội nhận hối lộ và không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

Câu 115: *Trưởng Công an phường thả người thân bị bắt do phạm tội quả tang thì phạm tội gì?*

a) Tội lạm dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ.

b) Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

c) Tội tha trái pháp luật người bị bắt.

d) Tội che giấu tội phạm.

Câu 116: *A thuê B là tài xế lái xe taxi chở cho mình gần 400 gam heroin theo giá thỏa thuận và B đã đồng ý. Hỏi B có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gì?*

a) **Tội vận chuyển trái phép chất ma túy.**

- b) Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.
- c) Tội mua bán trái phép chất ma túy.
- d) Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Câu 117: Công dân dẫn giải người phạm tội quả tang đã nhận tiền của người phạm pháp để thả cho người đó bỏ trốn thì phạm tội gì?

- a) Tội lạm dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ.
- b) Tội tha trái pháp luật người bị bắt.
- c) Tội che giấu tội phạm.**
- d) Tội nhận hối lộ.

Câu 118: A đang sửa điện trên cây cột điện, B đi ngang qua thấy xe A để sát cây cột điện nên lấy xe của A, A thấy vậy nhưng không làm gì được. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.**
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 119: C lên vào nhà M lấy xe máy. Dắt xe ra đến cổng thì bị M phát hiện, C lấy dao ra chống trả M và lấy được chiếc xe. Hỏi C phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.**
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 120: A đeo dây chuyền vàng điều khiển xe lưu thông trên đường thì bị B chạy xe áp sát và giật dây chuyền của A. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.**

Câu 121: Trên đường đi chơi về B thấy chị A say rượu nằm ngủ trên vỉa hè. Thấy chị A đeo nhiều nữ trang bằng vàng, B lấy đi toàn bộ tài sản trị giá trên 07 triệu đồng. Khi chị A thức dậy mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.**
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 122: *Chị A đi xe máy thăm người quen, dọc đường xe bị hỏng máy. Đang loay hoay khởi động lại xe thì thấy H đi qua. Chị A nhờ H giúp sửa chữa xe máy. Sau một hồi sửa chữa H ngồi lên yên, khởi động xe và phóng xe đi mất. Hỏi H phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.**

Câu 123: *Người mẹ tên T do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu nên đã giết con gái do chính mình sinh ra mới được 10 ngày tuổi. Hỏi T phạm tội gì?*

- a) Tội giết người.**
- b) Tội giết con mới đẻ.
- c) Không có tội.
- d) Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Câu 124: *A có tâm sự với B về việc có mâu thuẫn và hận thù rất lớn với C; và A muốn chém C để trả thù. Sau đó, B đã dùng xe mô tô của mình chở A đến nhà trọ của C và đứng chờ ở ngoài. A vào phòng trọ dùng dao chém C nhiều nhát làm C chết trên đường đi cấp cứu. Sau đó B chở A về nhà và B cũng về nhà mình ngủ. Hỏi: B có phạm tội không?*

- a) B không phạm tội.
- b) B phạm tội giết người.**
- c) B phạm tội cố ý gây thương tích.
- d) B là người có liên quan.

Câu 125: *Do nhà V thường xuyên bị chuột ăn gà, nên V dùng dây điện hồ quán xung quanh chuồng gà để diệt chuột. Tối ngày 01/6/2018, V cắm đoạn dây điện hồ quán xung quanh chuồng gà vào nguồn điện chính trong nhà. Do chuồng gà nhà V kín, ở sâu trong hàng rào nên V nghĩ sẽ không có ai đến khu vực chuồng gà nên V vào nhà đi ngủ. Tối hôm đó, X là hàng xóm của V sang trộm gà của V và vướng vào dây điện do V quấn xung quanh chuồng gà và bị điện giật chết. Sáng hôm sau thức dậy, V thấy có người chết nên rút điện và báo chính quyền địa phương. Hỏi V có phạm tội không?*

- a) Phạm tội giết người.
- b) Phạm tội vô ý làm chết người.**
- c) Phạm tội cố ý gây thương tích.
- d) Phạm tội giết người trong khi thi hành công vụ.

Câu 126: N 19 tuổi và M 12 tuổi có quan hệ yêu đương. Ngày 01/6/2018, N rủ M vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được M đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với M thì bị người nhà M phát hiện và tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, N có phạm tội không?

- a) N không phạm tội.
- b) N phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) N phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.**
- d) N phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 127: V, 23 tuổi và T, 15 tuổi. V và T có quan hệ yêu đương. Ngày 01/6/2018 V rủ T vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được T đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với T thì bị người nhà T phát hiện và tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, V có phạm tội không?

- a) V không phạm tội.
- b) V phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) V phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.
- d) V phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.**

Câu 128: A nợ B số tiền 60 triệu đồng. Ngày 25/5/2018, B dẫn theo một số đối tượng đến nhà A để đòi nợ. A không có tiền trả nên B chỉ đạo một số đối tượng đi theo bắt, trói và dẫn A lên xe ô tô chở về nhà mình để tạo áp lực cho gia đình A trả nợ. B có phạm tội không?

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.**
- c) Phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác.
- d) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật và tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

Câu 129: C nợ D số tiền 60 triệu đồng. Giấy vay nợ thể hiện C cầm cố tài sản là căn nhà gia đình C đang ở. Ngày 25/5/2018, D dẫn theo một số đối tượng đến nhà C để đòi nợ. C không có tiền trả nên D chỉ đạo một số đối tượng đi theo lục tìm các tài sản có giá trị và đuổi gia đình C ra ngoài. D có phạm tội không?

- a) Không phạm tội.

- b) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.
- c) Phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác.**
- d) Phạm tội cướp tài sản.

Câu 130: Do có mâu thuẫn từ trước, H nhiều lần dọa sẽ giết Q. Ngày 18/01/2018, H có hành vi dùng tuýp sắt đánh nhiều nhát vào đầu Q gây thương tích 60%. Hỏi H phạm tội gì?

- a) Không phạm tội.
- b) Tội giết người.**
- c) Tội cố ý gây thương tích.
- d) Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Câu 131: B chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội trồng cây cần sa, đã liên hệ mua được 400 cây giống cần sa về trồng sau hè nhà của B. Sau đó bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ. Hỏi B có phạm tội không?

- a) Không phạm tội, chỉ bị xử lý hành chính về hành vi trên.**
- b) Phạm tội trồng cây cần sa quy định tại điều 247 Bộ luật Hình sự.
- c) Phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.
- d) Phạm tội trồng cây cần sa quy định tại điều 247 Bộ luật Hình sự và phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Câu 132: B rủ các đối tượng N, S, H, V tới nhà mình để sử dụng chất ma túy đá do B mua được trước đó. Sau khi sử dụng N có biểu hiện ngáo đá và dùng dao đâm chết S. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.**
- c) Phạm tội giết người.
- d) Phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội giết người.

Câu 133: P là chủ nhà nghỉ. Lúc 21h có 02 đối tượng đến thuê 01 phòng để ở qua đêm. P đã làm các thủ tục theo quy định về cho thuê lưu trú. Lúc 22h công an kiểm tra nhà nghỉ phát hiện 02 đối tượng trên có hành vi sử dụng ma túy đá trong phòng. P không biết 02 đối tượng trên thuê phòng để sử dụng ma túy. Hỏi P có phạm tội không?

- a) Không phạm tội.**
- b) Không vi phạm.
- c) Phạm tội tổ chức sử dụng ma túy.
- d) Phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Câu 134: T đã có giấy phép lái xe mô tô. Ngày 02/5/2018, bà H là mẹ của T nói T lấy xe mô tô chở bà đi công việc. Trên đường đi, T không làm chủ được tốc độ tông vào cột điện bên đường. Hậu quả làm bà H chết trên đường đi cấp cứu. Hỏi T có phạm tội không?

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

c) Phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

d) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Câu 135: A chưa có tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. B có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. A và B cá độ trận đấu đá bóng thắng - thua 3 triệu đồng. A và B bị xử lý như thế nào?

a) A và B bị xử lý hình sự.

b) A bị xử phạt vi phạm hành chính. B bị xử lý hình sự.

c) A bị xử lý hình sự. B bị xử phạt vi phạm hành chính.

d) A và B bị xử phạt vi phạm hành chính.

Câu 136: Mua hàng được vận chuyển từ nước ngoài về mà biết rõ là hàng nhập lậu để bán thì phạm tội gì?

a) Phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

b) Phạm tội buôn bán hàng cấm.

c) Phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội buôn bán hàng cấm.

d) Phạm tội buôn lậu.

Câu 137: Buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu từ 1.500 gói trở lên thì bị xử lý hình sự với tội danh gì?

a) Tội buôn lậu.

b) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm.

c) Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

d) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

Câu 138: *Người nào tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ thì phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Tội giết người.
- c) Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.**
- d) Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Câu 139: *Hình phạt cao nhất đối với tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi là gì?*

- a) Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.
- b) Từ 20 năm đến 50 năm.
- c) Chung thân.
- d) Tử hình.**

Câu 140: *Người phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?*

- a) Có tính chất chuyên nghiệp và thu lợi bất chính từ 300 triệu đồng trở lên.
- b) Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.
- c) Thu lợi bất chính từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng.
- d) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.**

Câu 141: *B là bạn của H. Ngày 25/5/2018, B mượn xe mô tô của H để đi công việc, nhưng sau đó B đem bán được 03 triệu đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau nhiều lần H gọi hỏi yêu cầu trả lại xe mô tô nhưng B không trả và bỏ trốn. Hỏi B phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.**
- c) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- d) Phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Câu 142: *N (20 tuổi) không biết D mới 15 tuổi nên đã thực hiện hành vi mua dâm với D. Hỏi N phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- c) Phạm tội mua dâm người dưới 18 tuổi.**

d) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

Câu 143: Trồng bao nhiêu cây cần sa trở lên thì bị xử lý hình sự?

- a) 200 cây.
- b) 300 cây.
- c) 400 cây
- d) 500 cây.**

Câu 144: Công dân Việt Nam cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì phạm tội gì?

- a) Phạm tội phản bội Tổ quốc.**
- b) Phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.
- c) Phạm tội gián điệp.
- d) Phạm tội xâm phạm an ninh lãnh thổ.

Câu 145: B phạm tội trên máy bay Việt Nam đang bay trên không phận của nước Nga. Hỏi: B có bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam hay không?

- a) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.**
- b) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- c) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định.
- d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của nước Nga.

Câu 146: Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay lãi suất cao, thu lợi bất chính từ 30 triệu trở lên sẽ bị xử lý hình sự tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nếu?

- a) Lãi suất gấp 04 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.
- b) Lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.**
- c) Lãi suất gấp 06 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.
- d) Lãi suất gấp 07 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Câu 147: *L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên của L và bán cho T và chiếm đoạt số tiền 500 triệu đồng. Hỏi L phạm tội gì?*

a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyên nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác.

c) Phạm tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức.

d) Phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Câu 148: *Cây xăng do N làm chủ đã sử dụng chip điện tử để làm giảm số lượng xăng bơm bán cho khách hàng, thu lợi bất chính. Hỏi N phạm tội gì?*

a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Phạm tội lừa dối khách hàng.

c) Phạm tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

d) Không phạm tội.

Câu 149: *H sử dụng ma túy đá, sau đó bị ảo giác tưởng N muốn giết mình nên đã có hành vi dùng dao đâm N chết tại chỗ. Hỏi H có phạm tội không?*

a) Không phạm tội vì H đang bị ảo giác.

b) H phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

c) H phạm tội giết người.

d) H phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Câu 150: *A có ý định dùng dao tấn công để cướp tài sản của chị M. Nên A đã dùng dao đe dọa chị M. Nhưng A thấy chị M xinh đẹp nên đã thực hiện hành vi ép chị M quan hệ tình dục ngoài ý muốn. Sau đó, A bỏ trốn. Hỏi A phạm tội gì?*

a) Phạm tội cướp tài sản.

b) Phạm tội hiếp dâm.

c) Phạm tội cướp tài sản và tội hiếp dâm.

d) Phạm tội cưỡng dâm.

Câu 151: *Nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự là gì?*

a) Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ thiết lập trật tự xã hội để Nhà nước quản lý.

b) Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ đảm bảo mọi công dân sống và làm việc theo pháp luật.

c) Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

d) Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ trừng trị và răn đe cá nhân, pháp nhân phạm tội.

Câu 152: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự?

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

c) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội

d) Việc xử lý hành vi phạm tội đối với nữ giảm nhẹ hơn so với nam.

Câu 153: Nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự?

a) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

c) Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.

d) Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

Câu 154: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự?

a) Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

b) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế.

d) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình một cách thiện chí, trung thực.

Câu 155: Cá nhân, cơ quan nào không có trách nhiệm trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự?

a) Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

b) Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

c) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

d) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Câu 156: Theo quy định của Bộ luật Hình sự, công dân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống tội phạm không?

a) Không có trách nhiệm, trách nhiệm thuộc về cơ quan Công an.

b) Trách nhiệm của cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

c) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước.

d) Có. Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

Câu 157: Tội phạm ít nghiêm trọng thì mức cao nhất của khung hình phạt tù là bao nhiêu năm ?

a) 04 năm.

b) 03 năm.

c) 02 năm.

d) 01 năm.

Câu 158: Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì mức cao nhất của khung hình phạt được quy định như thế nào?

a) 25 năm tù.

b) 30 năm tù.

c) 25 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

d) 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Câu 159: Các hình phạt áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng được quy định gồm các hình phạt nào?

a) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

b) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm.

c) Phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

d) Phạt lao động công ích, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

Câu 160: *Có ý phạm tội là phạm tội trong trường hợp nào sau đây?*

a) **Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra.**

b) Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và mong muốn hậu quả xảy ra.

c) Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

d) Người phạm tội cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và để mặc hậu quả xảy ra.

Câu 161: *Ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm khi biết việc phạm tội không?*

a) Phải chịu trách nhiệm hình sự nếu biết việc phạm tội.

b) Không chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 162 : *A và B là bạn, ngày 12/4/2019 B mượn xe của A để đi chơi với người yêu, do hết tiền tiêu xài nên B đem xe bán được 07 triệu đồng và cùng người yêu tiêu xài hết. Thấy B mượn xe nhiều ngày chưa trả nên A gọi điện đòi, B không bắt máy và bỏ trốn. Hỏi B phạm tội gì?*

a) B không phạm tội.

b) B phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

c) B phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

d) B phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Câu 163: *X là bạn của H, X nhiều lần rủ mấy người bạn đến nhà H chơi và sử dụng ma túy, H biết sự việc sử dụng ma túy nhưng do mình không tham gia nên mặc kệ X và đám bạn. Hỏi, H có phạm tội gì không?*

a) H không phạm tội.

b) H phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

c) H phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

d) Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Câu 164: *Một người tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ thì có phạm tội không?*

a) Không phạm tội.

b) Có. Đồng phạm tội giết người.

c) Có. Phạm tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.

d) Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Câu 165: *Anh M (30 tuổi) đã có hành vi mua dâm H, anh M không biết H mới 17 tuổi. Hỏi N phạm tội gì?*

a) Không phạm tội vì không biết H 17 tuổi.

b) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

c) Phạm tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

d) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

Câu 166 : *Do thiếu nợ nên H đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên của H và bán cho T với số tiền 1 tỷ đồng. H phạm tội gì?*

a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Phạm tội làm giả giấy tờ, tài liệu.

c) Phạm tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức.

d) Phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Câu 167: *A đánh bạc và ngày 25/12/2018 đã bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. Ngày 2/3/2019 A lại tham gia đánh bạc với số tiền 1 triệu đồng. Hỏi A bị xử lý hình sự không?*

a) Có.

b) Không. Từ 4 triệu đồng trở lên mới bị xử lý hình sự.

c) Không. Từ 5 triệu đồng trở lên mới bị xử lý hình sự.

d) Không. Từ 3 triệu đồng trở lên mới bị xử lý hình sự.

Câu 168: *A và B rủ nhau đi cướp tài sản, 02 người đi 02 xe, đang đi lòng vòng thì A thấy chị T đi trên đường đeo dây chuyền ở cổ nên đã giật và rù ga chạy. Chị T đuổi theo thì bị xe của B lạng lách cản trở. B phạm tội không.*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội cướp tài sản.
- c) Phạm tội cướp giết tài sản.**
- d) Phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Câu 169: Anh Đ là Công dân Việt Nam câu kết với một tổ chức chính trị nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì phạm tội gì?

- a) Phạm tội phản bội Tổ quốc.**
- b) Phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.
- c) Phạm tội gián điệp.
- d) Phạm tội xâm phạm an ninh lãnh thổ.

Câu 170: A sử dụng người lao động dưới 16 tuổi xử lý đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 17/3/2019, A vẫn tiếp tục sử dụng em T (15 tuổi) làm việc cho mình. A phạm tội gì không ?

- a) A không phạm tội.
- b) A phạm tội.
- c) A phạm tội khi việc sử dụng lao động để xảy ra hậu quả nghiêm trọng đối với em T.

d) A phạm tội, nếu A sử dụng em T làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định.

Câu 171: Nửa đêm H vào nhà ông Đ để trộm cắp tài sản. H đang tìm tài sản thì bị ông Đ phát hiện, Đ lấy dao kề cổ và lấy được chiếc xe ở gần cửa rồi chạy ra ngoài.. Hỏi H phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.**
- d) Tội cướp giết tài sản.

Câu 172: Anh A (26 tuổi) có người yêu là em H (12 tuổi). Do sợ ba mẹ ngăn cấm nên Em H đã nhiều lần rủ anh A bỏ nhà đi, năm 2018 Em H đã rủ anh A bỏ nhà đi và bị gia đình H phát hiện nên tố cáo với cơ quan công an. A và H chưa quan hệ tình dục với nhau. Anh A phạm tội không?

- a) Không phạm tội.**
- b) Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp.

- c) Tội bắt cóc.
- d) Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

Câu 173: *Có ý phạm tội là phạm tội trong trường hợp nào sau đây?*

a) Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi để hậu quả xảy ra.

b) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó.

c) Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và tạo điều kiện để hậu quả xảy ra.

d) Người phạm tội cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và để mặc hậu quả xảy ra.

Câu 174: *Người đủ 13 tuổi thực hiện hành vi phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Không.

b) Có.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội đặc biệt nghiêm trọng.

d) Chỉ chịu trách nhiệm về tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 175: *Phòng vệ chính đáng là gì?*

a) Là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

b) Là hành vi của người vì bảo vệ bản thân mà chống trả lại hành vi sai trái của người khác.

c) Là hành vi của người vì bảo vệ bản thân và gia đình mà chống trả lại hành vi phạm tội của người khác.

d) Là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác mà có hành vi phạm tội.

Câu 176: *Tình thế cấp thiết là gì?*

a) Là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

b) Là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho bản thân và gia đình mà có hành vi gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại dự tính cần ngăn ngừa.

c) Là tình thế vì không muốn thiệt hại lớn xảy ra mà đã có hành vi gây ra thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, lợi ích của nhà nước.

d) Là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải phạm tội.

Câu 177: *Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết có phải là tội phạm không?*

a) Là tội phạm.

b) Không phải là tội phạm.

c) Là tội phạm khi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

d) Là tội phạm khi gây hậu quả rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 178: *Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Chỉ chịu trách nhiệm về hành vi gây vượt quá tình thế cấp thiết.

d) Phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 179: *Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa có phải là tội phạm không?*

a) Không phải là tội phạm.

b) Là tội phạm.

c) Là tội phạm khi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

d) Không phải là tội phạm khi hậu quả chưa xảy ra.

Câu 180: *Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ khi nào?*

a) Được tính từ ngày tội phạm được thực hiện.

b) Được tính từ ngày người phạm tội bỏ trốn.

c) Được tính từ ngày bị truy nã.

d) Được tính từ ngày khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Câu 181: *Trong trường hợp người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự tính lại kể từ khi nào?*

- a) **Kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt giữ.**
- b) Kể từ khi người đó bị bắt.
- c) Kể từ khi người đó bỏ trốn hoặc bị truy nã.
- d) Kể từ khi có quyết định truy nã tội phạm.

Câu 182: *Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự loại tội phạm nào?*

- a) Tội giết người.
- b) **Các tội xâm phạm an ninh quốc gia.**
- c) Tội mua bán ma túy.
- d) Tội cướp tài sản.

Câu 183: *Hình phạt là gì ?*

- a) Hình phạt là biện pháp Tòa án áp dụng cho người phạm tội.
- b) Hình phạt là biện pháp trừng trị người, pháp nhân phạm tội.
- c) **Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.**
- d) Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do cơ quan thi hành án thực thi đối với người phạm tội.

Câu 184: *Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án trong các trường hợp sau?*

- a) **Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; Người đủ 75 tuổi trở lên.**
- b) Người bị bệnh.
- c) Phụ nữ nuôi con trên 03 tuổi.
- d) Người phạm tội lần đầu.

Câu 185: *Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với tội phạm nào dưới đây?*

- a) Tội phạm giết người.
- b) Tội cướp tài sản.
- c) **Tội bạo loạn.**
- d) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

Câu 186: Trường hợp nào sau đây thì người bị xử phạt tù không được hoãn chấp hành hình phạt?

- a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục.
- b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi.
- c) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.
- d) Là người lao động duy nhất trong gia đình phạm tội phá rối an ninh.**

Câu 187: Bản án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì có được tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm không?

- a) Có.
- b) Không.**
- c) Tùy vào tội mà người chưa đủ 16 tuổi bị kết án.
- d) Có, nếu phạm vào tội đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 188: Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội là bao nhiêu?

- a) Mức phạt như người đủ 18 tuổi phạm tội mà điều luật quy định.
- b) Mức phạt 2/3 mức tiền phạt mà điều luật quy định.
- c) Mức phạt không quá 1/2 mức tiền phạt mà điều luật quy định.**
- d) Mức phạt không quá 2/3 mức tiền phạt mà điều luật quy định.

Câu 189: Khung hình phạt cao nhất của tội tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy là bao nhiêu ?

- a) 20 năm tù.
- b) 30 năm tù.
- b) Tù chung thân.
- d) Tử hình.**

Câu 190: Chị A sinh con được 06 ngày, do hoàn cảnh nên bỏ đứa bé ở góc cây bên đường dẫn đến đứa bé bị côn trùng cắn và thương tích nghiêm trọng. Vậy A phạm tội gì?

- a) Tội giết người.
- b) Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- c) Tội hành hạ người khác.
- d) Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.**

Câu 191: A vay B bằng giấy vay số tiền 30 triệu đồng với tài sản thế chấp là căn nhà A đang ở. Ngày 10/12/2018, B đến đòi nhưng A chưa có tiền trả, B đuổi gia đình A ra ngoài khỏi nhà. B phạm tội gì ?

- a) Tội cưỡng đoạt tài sản.
- b) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- c) Tội xâm phạm chỗ ở của người khác.**
- d) Phạm tội cướp tài sản.

Câu 192: A đang ngồi uống café ở quán ven đường, B đi ngang qua thấy xe A đẹp, B quan sát bảo vệ trông xe vừa quay lưng đi vào bên trong, B đã lấy xe mang đi bán lấy tiền xài. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.**
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 193: Hai nhóm thanh niên uống cafe, mỗi nhóm gồm 2-3 người, do hiểu lầm nên đã xảy ra đánh nhau, 2 bên đều bị thương nặng và trong khi xô xát có sử dụng cả súng quân dụng. vậy 02 nhóm phạm tội gì?

- a) Tội Giết người và tội cố ý gây thương tích.
- b) Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- c) Tội gây rối trật tự công cộng.
- d) Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và sử dụng vũ khí quân dụng trái phép.**

Câu 194: Ngày 12/3/2019, bà M là mẹ của T nói T lấy xe mô tô 150 phân khối chở bà đi công việc (T chưa có giấy phép lái xe). Trên đường đi, T không làm chủ được tốc độ tông vào cột điện bên đường. Hỏi, M có phạm tội không?

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.
- c) Phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.**
- d) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Câu 195: Anh A (27tuổi) và em B (15 tuổi) yêu nhau. Ngày 01/2/2019, Anh A rủ em B vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được B đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục, em B về nhà thì bị mẹ phát hiện nên gia đình B đã tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, anh A có phạm tội không?

- a) A không phạm tội do B đồng ý.
- b) A phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) A phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.
- d) A phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.**

Câu 196: S và C là vợ chồng, có người bạn chung là Nh. Thời gian cuối năm 2018, S và C hay cãi nhau, S hay tâm sự với Nh nên nảy sinh tình cảm dẫn đến lén lút chung sống với nhau như vợ chồng. Đầu năm 2019 thì C phát hiện sự việc giữa chồng và bạn mình sống với nhau nên sốc, C đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hỏi, Nh có phạm tội gì không ?

- a) Nh không phạm tội, vì S và Nh yêu nhau.
- b) Nh không phạm tội.
- c) Nh phạm tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng.**
- d) Nh phạm tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện.

Câu 197: A (18 tuổi), B (17 tuổi), C (17 tuổi) thường xuyên tụ tập uống cafe ở một quán gần chợ mới huyện Long Thành, do thiếu tiền nên đã bàn nhau đi xin tiền những người đi đường trên địa bàn thị trấn Long Thành. Ngày 03/6/2019, C chở A cầm cái khúc nhị côn, B cầm con dao mã tấu, chặn xe anh Lê Văn K, dí dao vào người để xin 100.000đ. Hỏi C phạm tội gì ?

- a) Phạm tội Cướp tài sản.**
- b) Phạm tội Cướp giật tài sản.
- c) Phạm tội Trộm cắp tài sản
- d) C không phạm tội.

Câu 198: Ông A có hai người con là H và M, H do ăn chơi lêu lổng nên đã có bầu và ông A đã tổ chức đám cưới cho H khi H mới 17 tuổi, ông A đã bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính vào tháng 12/2018. Tháng 3/2019 ông A lại tổ chức đám cưới cho M (17 tuổi 9 tháng). Hỏi ông A có phạm tội gì không ?

- a) A Không phạm tội
- b) A bị xử phạt vi phạm hành chính.
- c) A phạm tội Tổ chức tảo hôn.**
- d) Tội cưỡng ép kết hôn.

Câu 199: Các đối tượng cung cấp ma túy trên địa bàn xã B đã cho các tay chân của mình đi rủ rê các em học sinh, thanh niên trên địa bàn sử dụng ma túy. H đã rủ rê, dụ dỗ cháu A đến nhà chơi và cho dùng thử ma túy. Hỏi H phạm tội không?

- a) H không phạm tội.
- b) H phạm tội Cường bức người khác sử dụng ma túy trái phép.
- c) **H phạm tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.**
- d) H phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Câu 200: K là đối tượng hay trộm cắp trên địa bàn xã An Phước, ngày 02/3/2019 K trộm được 01 chiếc xe SH, ngày 04/3/2019, K bán rẻ cho anh C 20 triệu đồng do là chỗ quen biết, anh C biết K hay trộm cắp nhưng do rẻ nên anh C mua. Hỏi C có phạm tội không ?

- a) C không phạm tội.
- b) **C phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.**
- c) C phạm tội trộm cắp tài sản.
- d) C không phạm tội, chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

II. AN TOÀN GIAO THÔNG

Câu 1: *Biển báo hiệu đường bộ gồm có mấy nhóm?*

a) Gồm sáu nhóm: Biển báo cấm; biển báo nguy hiểm; biển hiệu lệnh; biển chỉ dẫn; biển phụ; vạch kẻ đường.

b) Gồm năm nhóm: Biển báo cấm; biển báo nguy hiểm; biển hiệu lệnh; biển chỉ dẫn; biển phụ.

c) Gồm bốn nhóm: Biển báo cấm; biển báo nguy hiểm; biển hiệu lệnh; biển chỉ dẫn.

d) Gồm ba nhóm: Biển báo cấm; biển báo nguy hiểm; biển hiệu lệnh.

Câu 2: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.127c dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.127c

- a) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép đi trong thành phố”.
- b) Biển báo “Biển ghép tốc độ tối thiểu cho phép theo phương tiện, trên từng làn đường”.
- c) Biển báo “Biển ghép tốc độ tối thiểu cho phép trên từng làn đường”.
- d) Biển báo “Biển ghép tốc độ tối đa cho phép theo phương tiện, trên từng làn đường”.**

Câu 3: Luật Giao thông đường thủy nội địa nghiêm cấm thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện, trong khí thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định thấp nhất nào sau đây?

- a) Có nồng độ cồn.
- b) Vượt quá 0,25 miligam/1lít khí thở.**
- c) Đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.
- d) Từ 0,4 miligam/1 lít khí thở trở lên.

Câu 4: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C4.2 dưới đây là biển báo gì?



Biển báo hiệu C4.2

- a) Biển báo “Cấm đỗ”.
- b) Biển báo “Được phép neo đậu”.**
- c) Biển báo “Được phép quay trở”.
- d) Biển báo “Có trạm kiểm tra giao thông đường thủy”.

Câu 5: Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái thì người điều khiển xe phía sau có được vượt không?

- a) **Được vượt về bên phải.**
- b) Không được phép vượt.
- c) Chờ khi rẽ trái xong mới được vượt.
- d) Bấm còi cho xe phía trước dừng lại rồi vượt bên trái.

Câu 6: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.103c dưới đây là biển báo gì?



Biển báo P.103c

- a) Biển báo “Hướng đi phải theo của xe ô tô”.
- b) Biển báo “Cấm xe ô tô rẽ trái và quay đầu”.
- c) **Biển báo “Cấm xe ô tô rẽ trái”.**
- d) Biển báo “Cấm xe taxi rẽ trái”.

Câu 7: Công trình đường sắt là những công trình xây dựng phục vụ giao thông vận tải đường sắt, bao gồm đầy đủ công trình nào sau đây?

- a) Đường, cầu, cống.
- b) Đường, cầu, cống, hầm, kè, tường chắn, ga, hệ thống thoát nước.
- c) Hệ thống thông tin, tín hiệu, hệ thống báo hiệu cố định, hệ thống cấp điện và các công trình, thiết bị phụ trợ khác của đường sắt.
- d) **Đường, cầu, cống, hầm, kè, tường chắn, ga, dè-pô, hệ thống thoát nước, hệ thống thông tin, tín hiệu, hệ thống báo hiệu cố định, hệ thống cấp điện và các công trình, thiết bị phụ trợ khác của đường sắt.**

Câu 8: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số I.423b dưới đây là biển báo gì?



Biển báo I.423b

- a) Biển báo “Đường chạy việt dã”.
- b) Biển báo “Trường học”.
- c) Biển báo “Điểm bắt đầu đường đi bộ”.
- d) Biển báo “Vị trí người đi bộ sang ngang”.**

Câu 9: Trong thành phố, khu đông dân cư người lái xe ô tô chỉ được quay đầu xe ở những chỗ nào?

- a) Ở nơi đường giao nhau và nơi có biển báo cho phép quay đầu xe.**
- b) Ở những đoạn đường rộng, ít xe cộ qua lại.
- c) Ở những đoạn đường có vạch kẻ tim đường dứt khúc.
- d) Ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường.

Câu 10: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.139 dưới đây là biển báo gì?



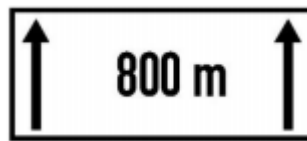
Biển số P.139

- a) Biển báo “Cấm đi thẳng”.
- b) Biển báo “Cấm đi thẳng, rẽ phải”.**
- c) Biển báo “Cấm đi thẳng và rẽ trái”.
- d) Biển báo “Cấm rẽ trái”.

Câu 11: Ở nơi đường bộ giao nhau có được phép lùi xe không?

- a) Không được lùi xe.
- b) Được lùi xe khi có tín hiệu đèn xanh.
- c) Được lùi xe vào ban ngày.
- d) Được lùi xe khi có người đứng phía sau xe hướng dẫn.

Câu 12: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số S.501 dưới đây là biển báo gì?



Biển số S.501

- a) Biển báo “Khoảng cách đến đối tượng báo hiệu”.
- b) Biển báo “Sắp đến chỗ có người đi bộ qua đường”.
- c) Biển báo “Hết đoạn đường ưu tiên”.
- d) **Biển báo “Phạm vi tác dụng của biển”.**

Câu 13: Đường thủy nội địa được phân thành mấy loại? Đó là những loại nào?

- a) Một loại là đường thủy nội địa.
- b) Hai loại là đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương.
- c) **Ba loại là đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng.**
- d) Bốn loại là đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa cấp tỉnh, đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng.

Câu 14: Lối đi tự mở là gì?

- a) Là đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.
- b) Là đoạn đường sắt giao nhau cùng mức với đường sắt được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.
- c) Là đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt do nhân dân tự góp kinh phí xây dựng được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.

d) Là đoạn đường bộ giao nhau với đường sắt do tổ chức, cá nhân tự xây dựng và khai thác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Câu 15: *Khi dừng xe người lái xe phải làm gì trước khi rời khỏi xe?*

- a) Phải tắt máy xe.
- b) Không được tắt máy xe và không được rời khỏi vị trí lái.**
- c) Vẫn để máy xe nổ nhưng phải chèn bánh xe (đặt cục chặn).
- d) Tắt máy xe, chèn bánh xe, đặt báo hiệu.

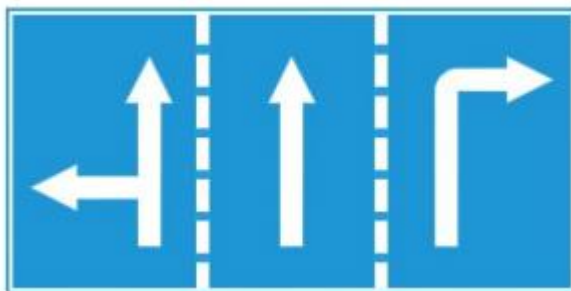
Câu 16: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.106b dưới đây là biển báo gì?*



Biển báo P.106b

- a) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô tải trên 2,5 tấn”.
- b) Biển báo “Cấm xe ô tô tải đông lạnh”.
- c) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô tải chuyên dụng”.
- d) Biển báo “Cấm xe ô tô tải có khối lượng chuyên chở trên 2,5t”.**

Câu 17: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.411 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.411

- a) Biển báo “Hướng đi trên mỗi làn đường phải theo”.**
- b) Biển báo “Thông báo làn đường trước khi vào thành phố”.
- c) Biển báo “Hướng rẽ trái, rẽ phải của xe cơ giới”.

d) Biển báo “Làn đường dành cho xe cơ giới”.

Câu 18: Hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa bao gồm mấy loại? Đó là những loại nào?

a) Một loại: Báo hiệu dẫn luồng để chỉ giới hạn luồng hoặc hướng tàu chạy.

b) Hai loại: Báo hiệu dẫn luồng để chỉ giới hạn luồng hoặc hướng tàu chạy; báo hiệu chỉ vị trí nguy hiểm để chỉ nơi có vật chướng ngại hoặc vị trí nguy hiểm khác trên luồng.

c) Ba loại: Báo hiệu dẫn luồng để chỉ giới hạn luồng hoặc hướng tàu chạy; báo hiệu chỉ vị trí nguy hiểm để chỉ nơi có vật chướng ngại hoặc vị trí nguy hiểm khác trên luồng; báo hiệu thông báo chỉ dẫn để thông báo cấm, thông báo hạn chế hoặc chỉ dẫn các tình huống có liên quan đến luồng.

d) Bốn loại: Báo hiệu dẫn luồng để chỉ giới hạn luồng hoặc hướng tàu chạy; báo hiệu chỉ vị trí nguy hiểm để chỉ nơi có vật chướng ngại hoặc vị trí nguy hiểm khác trên luồng; báo hiệu thông báo chỉ dẫn để thông báo cấm, thông báo hạn chế hoặc chỉ dẫn các tình huống có liên quan đến luồng; thiết bị phụ trợ khác.

Câu 19: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.212 dưới đây là biển báo gì?



Biển số W.212

a) Biển báo “Cầu hẹp”.

b) Biển báo “Đường trơn trượt”.

c) Biển báo “Cấm đi 2 chiều”.

d) Biển báo “Đường trơn, nguy hiểm”.

Câu 20: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.111a dưới đây là biển báo gì?*



Biển báo P.111a

- a) Biển báo “Đường dành cho xe mô tô”.
- b) Biển báo “Đường dành cho xe gắn máy”.
- c) **Biển báo “Cấm xe gắn máy”.**
- d) Biển báo “Cấm xe đạp điện”.

Câu 21: *Những phương tiện làm nhiệm vụ đặc biệt được ưu tiên đi trước khi qua cầu, cống, đập, cầu không mở thường xuyên, nơi có điều tiết giao thông, luồng giao nhau, luồng cong gấp, theo thứ tự nào sau đây?*

a) **Phương tiện chữa cháy; Phương tiện cứu nạn; Phương tiện hộ đê; Phương tiện của quân đội, công an làm nhiệm vụ khẩn cấp; Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống hoặc dẫn đường.**

b) Phương tiện cứu nạn; Phương tiện chữa cháy; Phương tiện hộ đê; Phương tiện của quân đội, công an làm nhiệm vụ khẩn cấp; Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống hoặc dẫn đường.

c) Phương tiện hộ đê; Phương tiện chữa cháy; Phương tiện cứu nạn; Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống hoặc dẫn đường; Phương tiện của quân đội, công an làm nhiệm vụ khẩn cấp.

d) Phương tiện của quân đội, công an làm nhiệm vụ khẩn cấp; Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống hoặc dẫn đường; Phương tiện chữa cháy; Phương tiện cứu nạn; Phương tiện hộ đê.

Câu 22: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.403b dưới đây là biển báo gì ?*



Biển báo R.403b

- a) Biển báo “Cấm ô tô, xe máy (mô tô)”.
- b) Biển báo “Đường dành cho ô tô, xe máy (mô tô)”.**
- c) Biển báo “Làn đường dành cho ô tô, xe máy (mô tô)”.
- d) Biển báo “Nơi đỗ ô tô, xe máy (mô tô)”.

Câu 23: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.111c dưới đây là biển báo gì?*



Biển báo P.111c

- a) Biển báo “Đường dành cho xe máy lồi”.
- b) Biển báo “Đường cấm xe ba bánh loại có động cơ”.**
- c) Biển báo “Cấm xe gắn máy”.
- d) Biển báo “Cấm xe ba bánh loại không có động cơ”.

Câu 24: *Khi vừa có người điều khiển giao thông, lại có biển báo hiệu cố định thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh nào?*

- a) Chấp hành báo hiệu cố định.
- b) Không phải chấp hành hiệu lệnh nào mà xem xét tình hình giao thông để đi cho an toàn.
- c) Chấp hành cả hiệu lệnh của người điều khiển giao thông và báo hiệu.

d) Chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

Câu 25: *Kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm đầy đủ những nội dung nào sau đây?*

- a) Là công trình đường sắt.
- b) Là phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.
- c) Là hành lang an toàn giao thông đường sắt.

d) Là công trình đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Câu 26: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.420 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.420

- a) Biển báo “Nhà máy, xí nghiệp”.
- b) Biển báo “Công trình cao tầng ven đường”.
- c) Biển báo “Thành phố, thị xã”.
- d) Biển báo “Bắt đầu khu đông dân cư”.**

Câu 27: *Báo hiệu đường thủy nội địa gồm đầy đủ những thiết bị nào sau đây?*

a) Báo hiệu đường thủy nội địa bao gồm phao tiêu nhằm hướng dẫn giao thông cho phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa.

b) Báo hiệu đường thủy nội địa bao gồm phao, biển báo nhằm hướng dẫn giao thông cho phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa.

c) Báo hiệu đường thủy nội địa bao gồm phao, biển báo, đèn hiệu nhằm hướng dẫn giao thông cho phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa.

d) Báo hiệu đường thủy nội địa bao gồm phao, biển báo, đèn hiệu và thiết bị phụ trợ khác nhằm hướng dẫn giao thông cho phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa.

Câu 28: Khi điều khiển xe đến nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, gặp người đi bộ hoặc xe lăn của người khuyết tật đang qua đường, bạn phải xử trí thế nào?

- a) Bấm còi hoặc nhấp nháy đèn báo hiệu để khẩn trương đi qua.
- b) Lưu thông bình thường.
- c) Chỉ phải nhường đường cho xe lăn của người khuyết tật qua đường.

d) Phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Câu 29: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.301e dưới đây là biển báo gì?



Biển báo R.301e

- a) Biển báo “Đường dẫn vào cao tốc”.
- b) Biển báo “Đường một chiều”.
- c) Biển báo “Các xe chỉ được rẽ trái”.**
- d) Biển báo “Hướng đường ưu tiên”.

Câu 30: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.238 dưới đây là biển báo gì?



Biển số W.238

- a) Biển báo “Đường cáp điện phía trên”.
- b) Biển báo “Đường cao tốc phía trước”.**
- c) Biển báo “Đường hầm”.
- d) Biển báo “Cầu vòng”.

Câu 31: *Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm đầy đủ những công trình nào?*

- a) Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm đường thủy nội địa.
- b) Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ luồng.
- c) Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ luồng; cảng, bến thủy nội địa; khu neo đậu ngoài cảng; kè, đập giao thông, báo hiệu đường thủy nội địa.
- d) Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ luồng; cảng, bến thủy nội địa; khu neo đậu ngoài cảng; kè, đập giao thông, báo hiệu đường thủy nội địa và các công trình phụ trợ khác.**

Câu 32: *Trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ xe xin vượt có được dùng còi không?*

- a) Chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.**
- b) Phải có báo hiệu vừa bằng đèn và còi.
- c) Được báo hiệu xin vượt bằng còi.
- d) Không báo hiệu mà căn đường vắng để vượt.

Câu 33: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C1.8 dưới đây là biển báo gì?*



Biển báo hiệu C1.8

- a) **Biển báo “Cấm vượt”.**
- b) Biển báo “Bên lở, bên bồi”.
- c) Biển báo “Khu vực được phép vượt”.
- d) Biển báo “Luồng dành cho tàu biển”.

Câu 34: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.130 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.130

- a) **Biển báo “Cấm dừng xe và đỗ xe”.**
- b) Biển báo “Cấm đỗ xe”.
- c) Biển báo “Đi theo vòng xuyên”.
- d) Biển báo “Đường giao nhau”.

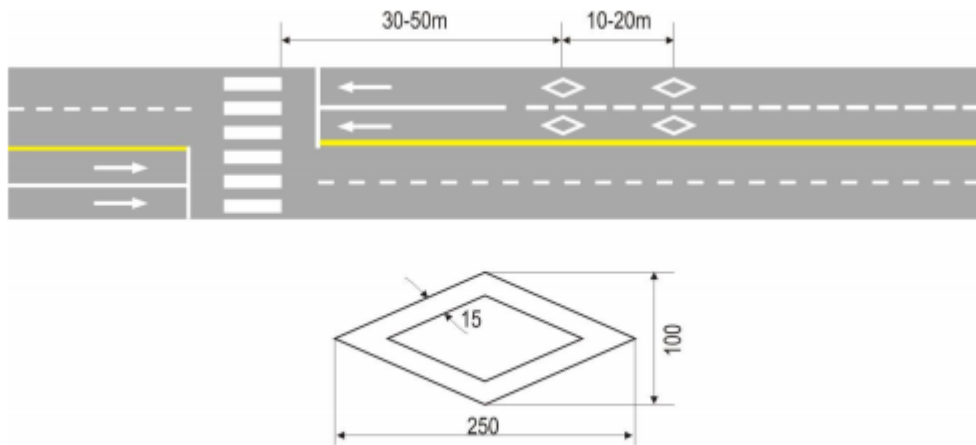
Câu 35: *Đối với phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người có phải đăng ký không?*

- a) Có phải đăng ký.
- b) Không phải đăng ký.**
- c) Vừa phải đăng ký và đăng kiểm.
- d) Chỉ đăng kiểm, không phải đăng ký.

Câu 36: Trong khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép xe ô tô, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.
- c) 60 km/h.**
- d) 70 km/h.

Câu 37: Hãy cho biết vạch kẻ đường số 7.6 (hình thoi) dưới đây là vạch gì?



Đơn vị: cm

Vạch số 7.6

- a) Vạch “Xác định ranh giới làn đường”.
- b) Vạch “Vạch kênh hóa dòng xe”.
- c) Vạch “Chỉ dẫn sắp đến chỗ có bố trí vạch đi bộ qua đường”.**
- d) Vạch “Nhường đường”.

Câu 38: Đường ngang là gì?

- a) Là đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.**
- b) Là đoạn đường sắt giao nhau cùng mức với đường sắt được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.
- c) Là đoạn đường sắt đô thị giao nhau cùng mức với đường sắt Quốc gia.
- d) Là đoạn đường bộ giao nhau với đường sắt do tổ chức, cá nhân tự xây dựng và khai thác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Câu 39: Trong khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.**
- c) 60 km/h.
- d) 70 km/h.

Câu 40: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.125 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.125

- a) Biển báo “Phía trước có xe ô tô đang vượt”.
- b) Biển báo “Phân làn đường cho xe cơ giới”.
- c) Biển báo “Nhường đường cho xe cơ giới đi ngược chiều lại”.
- d) Biển báo “Cấm vượt”.**

Câu 41: *Khi muốn rẽ trái, rẽ phải hoặc quay đầu xe, bạn phải xử trí thế nào để bảo đảm an toàn?*

- a) Phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.**
- b) Phải quan sát gương chiếu hậu nếu không có xe đi tới thì chuyển hướng.
- c) Cứ cho xe chuyển hướng theo lộ trình.
- d) Rẽ phải, rẽ trái không cần mở tín hiệu, chỉ quay đầu xe mới mở tín hiệu.

Câu 42: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.126 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.126

- a) Biển báo “Cấm ô tô tải vượt”.**
- b) Biển báo “Làn đường dành cho ô tô tải”.
- c) Biển báo “Nhường đường cho ô tô tải đi ngược chiều lại”.
- d) Biển báo “Cấm ô tô con vượt”.

Câu 43: Đối với kẻ ôp bờ được tính từ đầu kẻ và từ cuối kẻ trở về hai phía thượng lưu và hạ lưu, mỗi phía là bao nhiêu mét?

- a) 30m.
- b) 40m.
- c) 50m.**
- d) 60m.

Câu 44: Trong khi xe bạn đang rẽ phải, gặp người đi bộ đang sang đường trên phần vạch kẻ đường dành riêng cho họ, bạn phải xử trí thế nào?

- a) Không phải nhường đường vì người đi bộ phải nhường đường cho xe cơ giới.
- b) Bấm còi để người đi bộ tránh sang một bên để bảo đảm an toàn.
- c) Không được bấm còi mà chỉ được rồ ga báo hiệu cho người đi bộ biết để tránh.
- d) Phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ đang đi trên phần đường dành riêng cho họ.**

Câu 45: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.127 dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.127

- a) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép trong thành phố”.
- b) Biển báo “Tốc độ tối đa cho phép”.**
- c) Biển báo “Tốc độ tối đa cho phép ngoài khu vực đông dân cư”.
- d) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép”.

Câu 46: Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, người điều khiển xe có được lùi xe không?

- a) Vẫn lùi xe bình thường.
- b) Được lùi xe nhưng phải có người hướng dẫn phía sau xe.
- c) Không được lùi xe.**

d) Chỉ được lùi xe vào ban ngày từ 6 giờ 00 đến 17 giờ 00.

Câu 47: Trong phạm vi đất dành cho đường sắt, người dân có được tự mở lối đi qua đường sắt, xây dựng cầu vượt, hầm chui qua đường sắt không?

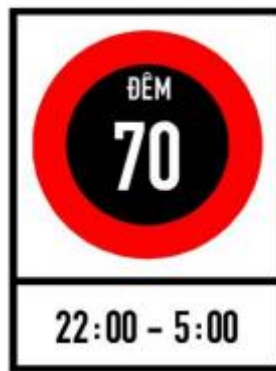
a) Được tự mở.

b) Không được.

c) Được tự mở nhưng phải xin phép UBND cấp xã.

d) Được tự mở nhưng phải xin phép UBND cấp huyện.

Câu 48: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.127a dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.127a

a) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép về ban đêm trong thành phố”.

b) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép về ban đêm”.

c) Biển báo “Tốc độ tối đa cho phép ngoài khu vực đông dân cư”.

d) Biển báo “Tốc độ tối đa cho phép về ban đêm”.

Câu 49: Trên phương tiện thủy phải bao gồm đầy đủ các chức danh thuyền viên nào sau đây?

a) Thuyền trưởng, thuyền phó.

b) Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó.

c) Thủy thủ, thợ máy.

d) Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, thủy thủ, thợ máy.

Câu 50: Khi hai xe cơ giới đi ngược chiều tránh nhau vào ban đêm chỉ được sử dụng đèn nào?

a) Đèn xi nhan.

b) Đèn chiếu xa.

c) Đèn chiếu gần.

d) Đèn sương mù.

Câu 51: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.127b dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.127b

a) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép đi trong thành phố”.

b) Biển báo “Biển ghép tốc độ tối thiểu cho phép trên từng làn đường”.

c) **Biển báo “Biển ghép tốc độ tối đa cho phép trên từng làn đường”.**

d) Biển báo “Tốc độ tối đa cho phép trên đường ngoài khu vực đông dân cư”.

Câu 52: *Trên đường bộ người điều khiển phương tiện có được dừng xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường không?*

a) Được phép dừng.

b) Không được phép dừng.

c) Được dừng trên một nửa phần đường dành cho người đi bộ qua đường.

d) Được dừng không quá 5 phút.

Câu 53: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.211a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.211a

- a) Biển báo “Giao nhau với đường tàu điện”.
- b) Biển báo “Ga xe lửa”.
- c) Biển báo “Đường dành riêng cho tàu điện”.
- d) Biển báo “Giao nhau với đường sắt không có rào chắn”.**

Câu 54: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C1.3 dưới đây là biển báo gì?*



Biển báo hiệu C1.3

- a) Biển báo “Báo hiệu được phép neo, đậu”.
- b) Biển báo “Báo hiệu cấm thả neo, cấm kéo rê neo, cáp hay xích”.**
- c) Biển báo “Khu vực dành cho tàu biển neo, đậu”.
- d) Biển báo “Cấm đỗ”.

Câu 55: *Theo Luật Đường sắt, ga đường sắt được hiểu là gì?*

- a) Là nơi để phương tiện giao thông đường sắt dừng, tránh, vượt, đón, trả khách, xếp, dỡ hàng hóa, thực hiện tác nghiệp kỹ thuật và các dịch vụ khác.**
- b) Là nơi để tàu dừng.
- c) Là nơi để các phương tiện giao thông đường sắt tránh nhau.

d) Là nơi để phương tiện giao thông đường sắt dừng, tránh.

Câu 56: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.131a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.131a

- a) Biển báo “Cấm dừng xe”.
- b) Biển báo “Cấm đỗ xe”.**
- c) Biển báo “Đi theo vòng xuyên”.
- d) Biển báo “Đường giao nhau”.

Câu 57: *Trên đường phố người điều khiển phương tiện dừng xe, đỗ xe sao cho bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá bao nhiêu mét?*

- a) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,10 mét.
- b) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,15 mét.
- c) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,20 mét.
- d) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét.**

Câu 58: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.132 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.132

- a) Biển báo “Phía trước là vực sâu”.
- b) Biển báo “Đường một chiều ở phía trước”.
- c) Biển báo “Cấm đi xuống đường hầm”.

d) Biển báo “Nhường đường cho xe cơ giới đi ngược chiều qua đường hẹp”.

Câu 59: Khi thuyền trưởng, người lái phương tiện phát âm hiệu một tiếng ngắn là tín hiệu báo đi hướng nào?

- a) Là tín hiệu đổi hướng đi sang phải.
- b) Là tín hiệu đổi hướng đi sang trái.
- c) Là tín hiệu chạy tới.
- d) Là tín hiệu chạy lùi.

Câu 60: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.137 dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.137

- a) Biển báo “Phía trước là vực sâu”.
- b) Biển báo “Cấm quay đầu xe”.
- c) Biển báo “Chỉ được phép rẽ trái và rẽ phải”.
- d) Biển báo “Cấm rẽ trái, rẽ phải”**

Câu 61: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số DP.133 dưới đây là biển báo gì?



Biển số DP.133

- a) Biển báo “Nơi đỗ xe ô tô con”.
- b) Biển báo “Hết cấm vượt”.**
- c) Biển báo “Cấm vượt khi đi trong vòng xuyên”.
- d) Biển báo “Hết tất cả các lệnh cấm”.

Câu 62: Đối với kẻ ôp bờ được tính từ chân kẻ trở ra phía luồng là bao nhiêu mét?

- a) 10m.
- b) 20m.**
- c) 30m.
- d) 40m.

Câu 63: Hãy cho biết biển báo giao thông số DP.134 dưới đây là biển báo gì?



Biển số DP.134

- a) Biển báo “Hết hạn chế tốc độ tối đa”.**
- b) Biển báo “Tốc độ tối đa cho phép”.
- c) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép ngoài khu vực đông dân cư”.
- d) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép”.

Câu 64: Người ngồi phía sau xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông có được sử dụng dù (ô) không?

- a) Được sử dụng.
- b) Được sử dụng khi trời mưa.
- c) Được sử dụng khi chở theo trẻ em.
- d) Không được sử dụng.**

Câu 65: Khi chắn đường ngang đã đóng và có tín hiệu báo các loại phương tiện dừng lại, người đi bộ có được đi qua đường sắt không?

- a) Tranh thủ vượt nhanh qua đường sắt, trước khi tàu tới.
- b) Dừng lại quan sát, tàu còn ở xa nhanh chóng chạy qua.
- c) Nếu thấy có người khác vượt qua thì nhanh chóng nhập đoàn để cùng qua.
- d) Không được vượt qua, phải dừng lại nhường đường cho phương tiện đường sắt đi qua.**

Câu 66: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số DP.135 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số DP.135

- a) Biển báo “Hết đoạn đường đỗ xe ô tô con”.
- b) Biển báo “Hết cấm vượt”.
- c) Biển báo “Hết cấm vượt khi đi trong vòng xuyên”.
- d) Biển báo “Hết tất cả các lệnh cấm”.**

Câu 67: *Khi thuyền trưởng, người lái phương tiện phát âm hiệu hai tiếng ngắn là tín hiệu báo đi hướng nào?*

- a) Là tín hiệu đổi hướng đi sang phải.
- b) Là tín hiệu đổi hướng đi sang trái.**
- c) Là tín hiệu chạy tới.
- d) Là tín hiệu chạy lùi.

Câu 68: *Trong khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?*

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.**
- c) 60 km/h.
- d) 70 km/h.

Câu 69: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.205a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.205a

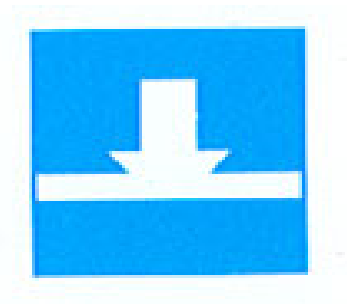
- a) Biển báo “Giao nhau với đường hai chiều”

- b) Biển báo “Đường cao tốc ở phía trước”.
- c) Biển báo “Bệnh viện”.
- d) Biển báo “Đường giao nhau”.**

Câu 70: *Tại ngã ba, ngã tư đồng quyền, không có báo hiệu đi theo vòng xuyên, các phương tiện phải lưu thông theo quy tắc nào cho an toàn?*

- a) Xe hai bánh phải nhường đường cho xe ô tô đi trước.
- b) Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái.
- c) Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải.**
- d) Xe thô sơ phải nhường đường cho xe cơ giới.

Câu 71: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C4.6 dưới đây là biển báo gì?*



Biển báo hiệu C4.6

- a) Biển báo “Luồng cạn”.
- b) Biển báo “Được phép neo đậu”.
- c) Biển báo “Phía trước có đường dây điện qua sông”.
- d) Biển báo “Biển báo hiệu có bến phà, bến khách ngang sông”.**

Câu 72: *Đối với báo hiệu đường thủy nội địa kể từ điểm ngoài cùng trở ra mỗi phía phạm vi bảo vệ là mấy mét?*

- a) 5m.**
- b) 10m.
- c) 15m.

d) 20m.

Câu 73: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.136 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.136

- a) Biển báo “Phía trước là vực sâu”.
- b) Biển báo “Đường một chiều ở phía trước”.
- c) Biển báo “Cấm đi thẳng”.**
- d) Biển báo “Làn đường dành cho xe ưu tiên”.

Câu 74: *Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ khi thấy có phương tiện đường sắt đang đi tới thì phải dừng lại cách đường ray gần nhất tối thiểu bao nhiêu mét ?*

- a) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 6 mét tính từ ray gần nhất.
- b) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất.**
- c) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 4 mét tính từ ray gần nhất.
- d) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 3 mét tính từ ray gần nhất.

Câu 75: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.210 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.210

- a) Biển báo “Rào chắn sửa đường”.
- b) Biển báo “Cấm đi lại”.
- c) Biển báo “Nơi họp chợ cấm vào”.
- d) Biển báo “Giao nhau với đường sắt có rào chắn”.**

Câu 76: Khi thuyền trưởng, người lái phương tiện phát âm hiệu ba tiếng ngắn là tín hiệu báo đi hướng nào?

- a) Là tín hiệu đổi hướng đi sang phải.
- b) Là tín hiệu đổi hướng đi sang trái.
- c) Là tín hiệu chạy tới.
- d) Là tín hiệu chạy lùi.**

Câu 77: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.138 dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.138

- a) Biển báo “Phía trước và bên trái là vực sâu”.
- b) Biển báo “Cấm đi thẳng, rẽ trái”.**
- c) Biển báo “Chỉ được phép đi thẳng và rẽ trái”.
- d) Biển báo “Cấm quay đầu xe về bên trái”.

Câu 78: Phạm vi được xác định là hành lang an toàn giao thông đường sắt?

- a) Là vùng đất xung quanh liền kề với phạm vi bảo vệ đường sắt.
- b) Là vùng nước xung quanh liền kề với phạm vi bảo vệ đường sắt.
- c) Là khoảng không xung quanh liền kề với phạm vi bảo vệ đường sắt.
- d) Là phạm vi được xác định bởi khoảng không, vùng đất, vùng nước xung quanh liền kề với phạm vi bảo vệ đường sắt.**

Câu 79: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C1.4 dưới đây là biển báo gì?



Biển báo hiệu C1.4

- a) **Biển báo “Cấm đỗ”.**
- b) Biển báo “Được phép neo đậu”.
- c) Biển báo “Được phép quay trở”.
- d) Biển báo “Cấm thả neo”.

Câu 80: *Trẻ em từ mấy tuổi khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện nếu không đội mũ bảo hiểm hoặc đội nhưng không cài quai thì người điều khiển xe bị xử phạt?*

- a) Từ 4 tuổi trở lên.
- b) Từ 5 tuổi trở lên.
- c) Từ 6 tuổi trở lên.**
- d) Từ 7 tuổi trở lên.

Câu 81: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.131b dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.131b

- a) Biển báo “Cấm dừng xe vào những ngày lễ”.
- b) Biển báo “Đi theo vòng xuyên”.
- c) Biển báo “Cấm đỗ xe vào những ngày lễ”.**
- d) Biển báo “Cấm đi ngược chiều”.

Câu 82: Khi thuyền trưởng, người lái phương tiện phát đèn hiệu một chớp đèn là tín hiệu báo đi hướng nào?

- a) Là tín hiệu đổi hướng đi sang phải.
- b) Là tín hiệu đổi hướng đi sang trái.
- c) Là tín hiệu chạy tới.
- d) Là tín hiệu chạy lùi.

Câu 83: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.201b dưới đây là biển báo gì ?



Biển số W.201b

- a) Biển báo “**Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải**”.
- b) Biển báo “Phía trước và bên phải là vực sâu”.
- c) Biển báo “Chỉ được phép đi thẳng và rẽ phải”.
- d) Biển báo “Cấm quay đầu xe về bên phải”.

Câu 84: Người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 mã lực đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người phải có những điều kiện sau đây?

- a) Đủ 18 tuổi trở lên và không quá 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam.
- b) Có chứng nhận đủ sức khoẻ của cơ quan y tế và biết bơi.
- c) Có chứng chỉ lái phương tiện.
- d) **Tất cả các đáp án còn lại.**

Câu 85: Người đi bộ đi qua đường như thế nào để bảo đảm an toàn ?

- a) Bất kỳ chỗ nào.

b) Nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn. Ở những chỗ không có đèn tín hiệu, vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

- c) Chỗ dải phân cách xây thấp để bước qua dễ dàng.
- d) Ra hiệu cho các xe dừng lại, rồi qua đường.

Câu 86: *Khi thuyền trưởng, người lái phương tiện phát đèn hiệu hai chớp đèn là tín hiệu báo đi hướng nào?*

- a) Là tín hiệu đổi hướng đi sang phải.
- b) Là tín hiệu đổi hướng đi sang trái.**
- c) Là tín hiệu chạy tới.
- d) Là tín hiệu chạy lùi.

Câu 87: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.203a dưới đây là biển báo gì ?*



Biển số W.203a

- a) Biển báo “Bến phà”.
- b) Biển báo “Đường bị thu hẹp cả hai bên”.**
- c) Biển báo “Đường dẫn vào đường cao tốc”.
- d) Biển báo “Cầu hẹp”.

Câu 88: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.206 dưới đây là biển báo gì ?*



Biển số W.206

- a) Biển báo “Đoạn đường có lốc xoáy nguy hiểm”.
- b) Biển báo “Qua nơi có nước xoáy”.
- c) **Biển báo “Giao nhau chạy theo vòng xuyên”.**
- d) Biển báo “Phía trước có tiểu đảo”.

Câu 89: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.207a dưới đây là biển báo gì ?*



Biển số W.207a

- a) Biển báo “Giao nhau với đường sắt không có rào chắn”
- b) Biển báo “Đường cao tốc ở phía trước”.
- c) **Biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên”.**
- d) Biển báo “Đường giao nhau”.

Câu 90: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C.13 dưới đây là biển báo gì ?*



Biển báo hiệu C.13

- a) Biển báo “Bên phải có dòng xoáy”.
- b) Biển báo “Cấm rẽ phải”.**
- c) Biển báo “Hướng đi phải theo”.
- d) Biển báo “Luồng dẫn vào cảng”.

Câu 91: *Việc thiết lập hành lang an toàn giao thông đường sắt nhằm mục đích gì?*

- a) Bảo đảm mỹ quan hai bên đường sắt.
- b) Giúp người đi tàu hỏa có khoảng trống quan sát cảnh vật trên đường.
- c) Phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết và bảo đảm tầm nhìn cho người tham gia giao thông.**
- d) Giúp nhân dân sống ven đường sắt có lối đi song hành với đường sắt trước khi đến đường ngang.

Câu 92: *Chọn đáp án sai. Hành vi nào bị cấm theo Luật Giao thông đường thủy nội địa?*

- a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa cho nhân dân.**
- b) Làm việc trên phương tiện khi trong máu có nồng độ cồn.
- c) Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm; xâm phạm tính mạng, tài sản khi phương tiện bị nạn; lợi dụng việc xảy ra tai nạn làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn.
- d) Vi phạm báo hiệu hạn chế tạo sóng hoặc các báo hiệu cấm khác.

Câu 93: *Người đủ tuổi nào trở lên dưới đây được điều khiển loại xe gắn máy có dung tích xi lanh dưới 50 cm³ ?*

- a) Người đủ 14 tuổi trở lên.
- b) Người đủ 15 tuổi trở lên.
- c) Người đủ 16 tuổi trở lên.**
- d) Người đủ 17 tuổi trở lên.

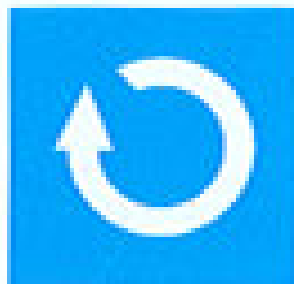
Câu 94: Khi phương tiện tham gia giao thông đường bộ bị hư hỏng tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, người điều khiển phương tiện phải đặt báo hiệu trên đường sắt cách tối thiểu bao nhiêu mét về hai phía để báo cho người điều khiển phương tiện đường sắt biết ?

- a) Tối thiểu 200 mét.
- b) Tối thiểu 300 mét.
- c) Tối thiểu 400 mét.
- d) Tối thiểu 500 mét.**

Câu 95: Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt chỉ có đèn tín hiệu hoặc chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu đỏ đã bật sáng hoặc có tiếng chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào để bảo đảm an toàn ?

- a) Nhanh chóng đi qua đoạn đường sắt.
- b) Người tham gia giao thông đường bộ phải dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất và khi đèn tín hiệu đã tắt hoặc tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.**
- c) Dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 4 mét.
- d) Dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 3 mét.

Câu 96: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C4.15 dưới đây là biển báo gì ?



Biển báo hiệu C4.15

- a) Biển báo “Cấm quay trở phương tiện”.
- b) Biển báo “Được phép neo đậu”.
- c) Biển báo “Được phép quay trở”.**
- d) Biển báo “Vùng lốc xoáy”.

Câu 97: Trường hợp đường phố hẹp, phải dừng xe, đỗ xe ở vị trí cách xe ô tô đang đỗ bên kia đường tối thiểu là bao nhiêu mét ?

- a) Tối thiểu là 30 mét.
- b) Tối thiểu là 25 mét.
- c) Tối thiểu là 20 mét.**
- d) Tối thiểu là 15 mét.

Câu 98: Tại đường ngang, cầu chung phương tiện giao thông nào được quyền ưu tiên?

- a) Các loại xe ô tô.
- b) Người đi bộ.
- c) Các loại xe thô sơ.
- d) Phương tiện vận tải đường sắt.**

Câu 99: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông đường thủy C4.19 dưới đây là biển báo gì?



Biển báo hiệu C4.19

- a) Biển báo “Cấm thuyền buồm”.
- b) Biển báo “Nơi neo đậu của thuyền buồm”.
- c) Biển báo “Khu vực được phép lướt ván buồm”.
- d) Biển báo “Khu vực tàu thuyền chạy buồm được phép đi lại”.**

Câu 100: Hành vi nào sau đây không bị cấm theo Luật Giao thông đường thủy nội địa?

- a) Phá hoại công trình giao thông đường thủy nội địa; tạo vật chướng ngại gây cản trở giao thông đường thủy nội địa.
- b) Mở cảng, bến thủy nội địa trái phép; đón, trả người hoặc xếp, dỡ hàng hoá không đúng nơi quy định.

c) Giao phương tiện cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa.

d) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

III. LUẬT AN NINH MẠNG

Câu 1: *Phạm vi điều chỉnh của Luật An ninh mạng bao gồm?*

a) Hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia trên các mạng xã hội.

b) Hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.

c) Hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong mạng nội bộ các cơ quan nhà nước.

d) Hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Câu 2: *An ninh mạng là gì?*

a) Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức.

b) Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

c) Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d) Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội.

Câu 3: *Không gian mạng là gì?*

a) Là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

b) Là mạng lưới kết nối bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

c) Là mạng lưới kết nối mà con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

d) Là hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; phần cứng các thiết bị; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Câu 4: *Không gian mạng quốc gia là gì?*

- a) Là không gian mạng do các tập đoàn viễn thông xác lập, quản lý và kiểm soát.
- b) Là không gian mạng do Công ty tư nhân xác lập, quản lý và kiểm soát.
- c) Là không gian mạng do Chính phủ xác lập, quản lý và kiểm soát.**
- d) Là không gian mạng do các cơ quan Quân đội, Công an xác lập, quản lý và kiểm soát.

Câu 5: *Cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia được giải thích như thế nào trong Luật An ninh mạng?*

- a) Là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo lập, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng thế giới.
- b) Là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo lập, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng quốc gia.**
- c) Là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để thu thập, xử lý và trao đổi thông tin trên các mạng xã hội của các quốc gia.
- d) Là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng của một số quốc gia có liên kết với nhau.

Câu 6: *Tội phạm mạng là gì?*

- a) Là người sử dụng không gian mạng để thực hiện tội phạm.
- b) Là hành vi sử dụng tài khoản mạng xã hội để phạm tội.
- c) Là hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự.**
- d) Là hành vi lợi dụng không gian mạng để phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Câu 7: *Tán công mạng là gì?*

- a) Là hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để phá hoại, gây gián đoạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.**
- b) Là hành vi sử dụng mạng xã hội để phá hoại, chống phá Nhà nước.
- c) Là hành vi phát tán vi rút làm tê liệt hệ thống thông tin trên mạng.
- d) Là hành vi thu thập trái phép thông tin, tài nguyên thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet.

Câu 8: *Gián điệp mạng là gì?*

a) Là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, mật mã, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác để chiếm đoạt, thu thập trái phép thông tin, tài nguyên thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Là hành vi ăn cắp thông tin trên không gian mạng.

c) Là hành vi truy cập, thu thập, sử dụng thông tin trái phép trên mạng xã hội.

d) Là hành vi thu thập thông tin, cơ sở dữ liệu trên không gian mạng để chống phá Nhà nước Việt Nam.

Câu 9: *Tình huống nguy hiểm về an ninh mạng là gì?*

a) Là sự việc xảy ra trên không gian mạng khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng an ninh quốc gia, gây tổn hại đặc biệt nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Là sự việc xảy ra trên không gian mạng xâm phạm nghiêm trọng đến người sử dụng không gian mạng.

c) Là sự việc xảy ra trên không gian mạng khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d) Là sự cố xảy ra khi có người cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, mật mã, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác để xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đó.

Câu 10: *Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách của Nhà nước về an ninh mạng?*

a) Nghiêm cấm các trang mạng xã hội như facebook, youtube hoạt động tại Việt Nam.

b) Các hoạt động trên mạng xã hội là quyền của cá nhân, Nhà nước không quản lý.

c) Khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; phối hợp với cơ quan chức năng trong bảo vệ an ninh mạng.

d) Không nên hợp tác quốc tế về an ninh mạng.

Câu 11: *Hãy chọn đáp án sai. Nội dung chính sách của Nhà nước về an ninh mạng?*

a) Ưu tiên bảo vệ an ninh mạng trong quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.

b) Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

c) Ưu tiên nguồn lực xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng; nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng; ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ để bảo vệ an ninh mạng.

d) Hoạt động bảo vệ an ninh mạng chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước.

Câu 12: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng?

a) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên không gian mạng.

c) Mọi hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh.

d) Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng không gian mạng, Nhà nước không quản lý.

Câu 13: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gì trong việc tham gia ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia?

a) Không có trách nhiệm.

b) Chủ trì điều phối hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng xảy ra đối với hệ thống thông tin quân sự .

c) Chỉ có cơ quan, tổ chức mới có trách nhiệm; cá nhân không cần phải có trách nhiệm.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng xảy ra đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia khi có yêu cầu của lực lượng chủ trì điều phối khi có yêu cầu của lực lượng chủ trì điều phối.

Câu 14: Hành vi nào sau đây không bị nghiêm cấm về sử dụng không gian mạng?

a) Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc.

c) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

d) Đăng tải thông tin bán hàng trên mạng xã hội.

Câu 15: *Hành vi nào sau đây không bị nghiêm cấm về sử dụng không gian mạng?*

a) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

b) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

c) Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng.

d) Tạo nhiều tài khoản ảo trên mạng xã hội.

Câu 16: *Chọn đáp án sai. Hành vi nào bị nghiêm cấm về sử dụng không gian mạng?*

a) Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán;

b) Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

d) Tham gia các hội, nhóm bán hàng trên mạng xã hội facebook.

Câu 17: *Người có hành vi vi phạm quy định của Luật An ninh mạng thì bị xử lý như thế nào?*

a) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

c) Chỉ bị xử lý hình sự.

d) Chỉ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu 18: Chọn đáp án sai. Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm?

- a) Hệ thống thông tin quân sự, an ninh, ngoại giao, cơ yếu.
- b) Hệ thống thông tin lưu trữ, xử lý thông tin thuộc bí mật nhà nước.
- c) Hệ thống thông tin phục vụ lưu giữ, bảo quản hiện vật, tài liệu có giá trị đặc biệt quan trọng.
- d) Hệ thống thông tin cá nhân công khai trên mạng xã hội.**

Câu 19: Chọn đáp án sai. Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm?

- a) Thông tin của các cơ quan nhà nước được công khai trên Cổng, Trang thông tin điện tử.**
- b) Hệ thống thông tin phục vụ bảo quản vật liệu, chất đặc biệt nguy hiểm đối với con người, môi trường sinh thái.
- c) Hệ thống thông tin phục vụ bảo quản, chế tạo, quản lý cơ sở vật chất đặc biệt quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia.
- d) Hệ thống thông tin quan trọng phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức ở trung ương.

Câu 20: Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia?

- a) Là hệ thống thông tin khi bị sự cố, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt, tấn công hoặc phá hoại sẽ xâm phạm nghiêm trọng an ninh mạng.**
- b) Là hệ thống thông tin về hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.
- c) Là hệ thống thông tin quản lý nội bộ của doanh nghiệp.
- d) Là hệ thống thông tin về công tác tổ chức của cơ quan nhà nước.

Câu 21: Chọn đáp án sai. Những hành vi nào bị cấm về an ninh mạng?

- a) Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.
- b) Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử.
- c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật trên các trang mạng xã hội.**
- d) Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Câu 22: *Chọn đáp án sai. Những hành vi nào bị cấm về an ninh mạng?*

a) Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

b) Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử.

c) Xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

d) Lập các hội, nhóm trên mạng xã hội để trao đổi công việc của các cơ quan, đơn vị.

Câu 23: *Trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra an ninh mạng đột xuất, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thông báo kết quả kiểm tra cho chủ quản hệ thống thông tin?*

a) Trong thời hạn 20 ngày.

b) Trong thời hạn 25 ngày.

c) Trong thời hạn 30 ngày.

d) Trong thời hạn 45 ngày.

Câu 24: *Chọn đáp án sai. Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được thực hiện trong trường hợp nào?*

a) Khi đưa phương tiện điện tử, dịch vụ an toàn thông tin mạng vào sử dụng trong hệ thống thông tin.

b) Khi có thay đổi hiện trạng hệ thống thông tin.

c) Chỉ được phép kiểm tra định kỳ hằng năm.

d) Kiểm tra đột xuất khi xảy ra sự cố an ninh mạng, khi có yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh mạng.

Câu 25: *Cơ quan nào có quyền kiểm tra an ninh mạng đột xuất đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia?*

a) Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an.

b) Bộ Quốc phòng.

c) Bộ Công an.

d) Ban Cơ yếu Chính phủ.

Câu 26: *Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng kiểm tra an ninh mạng đột xuất đối với hệ thống thông tin quân sự thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào?*

- a) Bộ Công an.
- b) Bộ Quốc phòng.**
- c) Ban Cơ yếu Chính phủ.
- d) Bộ Thông tin và Truyền thông.

Câu 27: *Chọn đáp án sai. Hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm hoạt động nào?*

- a) Cài đặt lại hệ thống thông tin mạng khi phát hiện sự cố.**
- b) Bảo vệ hiện trường, thu thập chứng cứ.
- c) Phong tỏa, giới hạn phạm vi xảy ra sự cố an ninh mạng, hạn chế thiệt hại do sự cố an ninh mạng gây ra.
- d) Xác định mục tiêu, đối tượng, phạm vi cần ứng cứu.

Câu 28: *Chọn đáp án sai. Hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm hoạt động nào?*

- a) Xác minh nguyên nhân và truy tìm nguồn gốc.
- b) Giải quyết nội bộ không đưa ra pháp luật.**
- c) Xác minh, phân tích, đánh giá, phân loại sự cố an ninh mạng.
- d) Triển khai phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.

Câu 29: *Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng và chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm gì trong việc phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế?*

- a) Phối hợp với cơ quan chức năng xử lý thông tin này.**
- b) Trách nhiệm thuộc cơ quan chức năng. Doanh nghiệp, cơ quan chủ quản không có trách nhiệm.
- c) Chỉ chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm, doanh nghiệp không có trách nhiệm.
- d) Chỉ doanh nghiệp có trách nhiệm, chủ quản hệ thống thông tin không có trách nhiệm.

Câu 30: Chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia có trách nhiệm kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý trong những trường hợp nào?

- a) Khi đưa phương tiện điện tử, dịch vụ an toàn thông tin mạng vào sử dụng trong hệ thống thông tin.
- b) Khi có thay đổi hiện trạng hệ thống thông tin.
- c) **Cả 03 đáp án còn lại.**
- d) Kiểm tra định kỳ hằng năm.

Câu 31: Chọn đáp án sai. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm?

- a) Tuyên truyền xuyên tạc, phi báng chính quyền nhân dân.
- b) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước.
- c) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.
- d) **Tuyên truyền chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.**

Câu 32: Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng là những thông tin gì?

- a) Tin tức chung trên các trang mạng xã hội.
- b) **Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân.**
- c) Tin tức hoạt động trên thế giới.
- d) Thông tin về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Câu 33: Chọn đáp án sai. Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống bao gồm những thông tin gì?

- a) Xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác.
- b) Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm.
- c) Thông tin gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.
- d) **Thông tin, tin tức về các những người nổi tiếng trên mạng xã hội.**

Câu 34: Chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm kiểm tra an ninh mạng nhằm để làm gì?

a) Phát hiện, loại bỏ mã độc, phần cứng độc hại, khắc phục điểm yếu, lỗ hổng bảo mật; phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hoạt động xâm nhập bất hợp pháp hoặc nguy cơ khác đe dọa an ninh mạng.

b) Phát hiện, loại bỏ mã độc, phần cứng độc hại.

c) Phát hiện, khắc phục điểm yếu, lỗ hổng bảo mật

d) Phát hiện tội phạm mạng.

Câu 35: *Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế bao gồm?*

a) Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa.

b) Thông tin bịa đặt, sai sự thật về tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá khác.

c) Cả 03 đáp án còn lại

d) Thông tin bịa đặt, sai sự thật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp, chứng khoán.

Câu 35: *Chọn đáp án sai. Tình huống nguy hiểm về an ninh mạng bao gồm những tình huống nào?*

a) Xuất hiện thông tin trên không gian mạng nói xấu, bôi nhọ cá nhân, tổ chức.

b) Tấn công vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

c) Tấn công nhiều hệ thống thông tin trên quy mô lớn, cường độ cao.

d) Xuất hiện thông tin kích động trên không gian mạng có nguy cơ xảy ra bạo loạn, phá rối an ninh, khủng bố.

Câu 36: *Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội không bao gồm hành vi nào sau đây?*

a) Mua bán hàng hóa, dịch vụ online theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng.

c) Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 37: *Doanh nghiệp ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động*

thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng?

a) Phải mở công ty con ở Việt Nam.

b) Phải thành lập chi nhánh ở Việt Nam và phải có đội ngũ nhân viên là người nước đó tại Việt Nam.

c) Phải đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

d) Phải thuê lao động là người Việt Nam làm việc tại Việt Nam.

Câu 38: *Tổ chức, cá nhân soạn thảo, đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế phải làm gì?*

a) Phải gỡ bỏ thông tin khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

b) Không phải làm gì vì đó là quyền tự do cá nhân.

c) Phải đăng tin xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Phải đăng tin đính chính thông tin đã soạn thảo, đăng tải và phát tán.

Câu 39: *Chọn đáp án sai. Đối tượng kiểm tra an ninh mạng bao gồm những gì?*

a) Hệ thống phần cứng, phần mềm, thiết bị số được sử dụng trong hệ thống thông tin.

b) Thông tin được lưu trữ, xử lý, truyền đưa trong hệ thống thông tin.

c) Biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước và phòng, chống lộ, mất bí mật nhà nước qua các kênh kỹ thuật.

d) Hệ thống tin tức trên các báo online.

Câu 40: *Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm gì?*

a) Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng.

b) Cung cấp thông tin người dùng khi các cơ quan có yêu cầu.

c) Bảo mật thông tin tài khoản người dùng không cho phép bất kỳ cơ quan, cá nhân nào xâm phạm.

d) Bảo mật thông tin tài khoản người dùng không cho phép bất kỳ cơ quan, cá nhân nào tìm hiểu thông tin, lợi dụng thông tin cá nhân để trục lợi.

Câu 41: *Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam không?*

a) Không, chỉ lưu trữ dữ liệu này tại Máy chủ nơi Công ty đặt trụ sở.

b) Có. Phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ.

c) Được lưu trữ dữ liệu trong máy chủ nước nước ngoài.

d) Phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam mãi mãi.

Câu 42: *Nội dung nghiên cứu, phát triển an ninh mạng không bao gồm nội dung nào sau đây?*

a) Xây dựng hệ thống phần mềm, trang thiết bị bảo vệ an ninh mạng.

b) Phương pháp thẩm định phần mềm, trang thiết bị bảo vệ an ninh mạng đạt chuẩn và hạn chế tồn tại điểm yếu, lỗ hổng bảo mật, phần mềm độc hại.

c) Phương pháp kiểm tra các thiết bị máy móc trong nhà máy sản xuất.

d) Phương pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư; khả năng bảo mật khi truyền đưa thông tin trên không gian mạng.

Câu 43: *Chọn đáp án sai. Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội bao gồm?*

a) Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng.

b) Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán.

c) Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

d) Mua bán, trao đổi hàng hóa theo đúng quy định pháp luật.

Câu 44: Trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác khi tham gia trên không gian mạng không?

- a) Có.
- b) Không.
- c) Có, nhưng phải được sự cho phép của người giám hộ.
- d) Có, nhưng phải được sự cho phép của người thân.

Câu 45: Chọn đáp án sai. Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm gì để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em?

a) Kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em.

b) Ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em.

c) Kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.

d) Có thể chia sẻ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em nếu Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng cho phép.

Câu 46: Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại cơ quan nào?

- a) Bộ Thông tin và Truyền thông.
- b) Bộ Khoa học và Công nghệ.
- c) Bộ Nội vụ.
- d) Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.**

Câu 47: Lực lượng cơ bản, chủ yếu bảo vệ an ninh bao gồm những ai?

a) Công dân Việt Nam có kiến thức về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghệ thông tin.

b) Chỉ công dân Việt Nam học công nghệ thông tin.

c) Công dân nước ngoài được Việt Nam thuê.

d) Những người trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

Câu 48: Chọn đáp án sai. Lực lượng bảo vệ an ninh mạng bao gồm những lực lượng nào?

a) Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

b) Lực lượng bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

c) Tổ chức, cá nhân được huy động tham gia bảo vệ an ninh mạng.

d) Người tham gia mạng xã hội.

Câu 49: *Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm gì trong việc bảo vệ trẻ em trên không gian mạng?*

a) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong bảo đảm quyền của trẻ em trên không gian mạng, ngăn chặn thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em theo quy định của Luật An ninh mạng và pháp luật về trẻ em.

b) Chỉ có trách nhiệm bảo vệ trẻ em trước những thông tin xấu trên mạng xã hội.

c) Chỉ có trách nhiệm cung cấp các bài viết có hại cho trẻ em trên mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền.

d) Chỉ có trách nhiệm quản lý và báo cho cơ quan có thẩm quyền biết về các bài viết có nội dung xâm phạm đến quyền của trẻ em.

Câu 50: *Quy định nào sau đây không phải là tiêu chí trong tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng ?*

a) Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, sức khỏe, trình độ, kiến thức về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghệ thông tin, có nguyện vọng thì có thể được tuyển chọn vào lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

b) Ưu tiên đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng có chất lượng cao.

c) Ưu tiên phát triển cơ sở đào tạo an ninh mạng đạt tiêu chuẩn quốc tế; khuyến khích liên kết, tạo cơ hội hợp tác về an ninh mạng giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, trong nước và ngoài nước.

d) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi.

Câu 51: *Bộ nào chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh mạng cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và công chức, viên chức, người lao động tham gia bảo vệ an ninh mạng?*

a) Bộ Công an.

b) Bộ Quốc phòng.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Bộ Thông tin và Truyền thông.

Câu 52: Chọn đáp án sai. Phổ biến kiến thức về an ninh mạng là trách nhiệm của những cơ quan nào?

a) Nhà nước có chính sách phổ biến kiến thức về an ninh mạng trong phạm vi cả nước, khuyến khích cơ quan nhà nước phối hợp với tổ chức tư nhân, cá nhân thực hiện chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức về an ninh mạng.

b) Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xây dựng và triển khai hoạt động phổ biến kiến thức về an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và triển khai hoạt động phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương.

d) Chỉ là trách nhiệm của Bộ Tư pháp.

Câu 53: Bộ nào có trách nhiệm ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về an ninh mạng?

a) Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Bộ Tư pháp .

c) Bộ Công an.

d) Bộ Thông tin và Truyền thông.

Câu 54: Chọn đáp án sai. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm gì?

a) Cảnh báo khả năng mất an ninh mạng trong việc sử dụng dịch vụ trên không gian mạng do mình cung cấp và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa;

b) Xây dựng phương án, giải pháp phản ứng nhanh với sự cố an ninh mạng, xử lý ngay điểm yếu, lỗ hổng bảo mật, mã độc, tấn công mạng, xâm nhập mạng và rủi ro an ninh khác; khi xảy ra sự cố an ninh mạng, ngay lập tức triển khai phương án khẩn cấp, biện pháp ứng phó thích hợp, đồng thời báo cáo với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng theo quy định.

c) Cung cấp thông tin cho các cơ quan, tổ chức theo yêu cầu.

d) Phối hợp, tạo điều kiện cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng trong bảo vệ an ninh mạng.

Câu 55: Chọn đáp án sai. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng có trách nhiệm gì?

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng.

b) Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

c) Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong bảo vệ an ninh mạng; giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

d) Cản trở cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Câu 56: *Chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm gì trong việc phòng, chống khủng bố mạng?*

a) Thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý nhằm loại trừ nguy cơ khủng bố mạng.

b) Thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ hệ thống thông tin.

c) Cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

d) Vận hành hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý để khai thác và sử dụng.

Câu 57: *Tình huống nào sau đây không phải là tình huống nguy hiểm về an ninh mạng?*

a) Xuất hiện thông tin kích động trên không gian mạng có nguy cơ xảy ra bạo loạn, phá rối an ninh, khủng bố.

b) Tấn công vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

c) Tấn công nhiều hệ thống thông tin trên quy mô lớn, cường độ cao.

d) Trang facebook của một cá nhân bán hàng online bị lỗi, không thực hiện được việc bán hàng.

Câu 58: *Khi phát hiện dấu hiệu, hành vi khủng bố mạng, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải làm gì?*

a) Tiếp tục các hoạt động trên không gian mạng một cách bình thường.

b) Thông báo cho chủ quản hệ thống thông tin.

c) Thông báo cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng

d) Kịp thời báo cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng. Cơ quan tiếp nhận tin báo có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ tin báo về khủng bố mạng và kịp thời thông báo cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

Câu 59: *Cơ quan nào có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng, chủ quản hệ thống thông tin loại bỏ thông tin có nội dung vi phạm pháp luật về an ninh*

mạng trên dịch vụ, hệ thống thông tin do doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý?

- a) Bộ Công an.
- b) Bộ Quốc phòng.
- c) Bộ Thông tin và Truyền thông.**
- d) Ban Cơ yếu Chính phủ.

Câu 60: *Chọn đáp án sai. Hành vi tấn công mạng và hành vi có liên quan đến tấn công mạng bao gồm?*

a) Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử;

b) Gây cản trở, rối loạn, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, ngăn chặn trái phép việc truyền đưa dữ liệu của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử;

c) Sử dụng các phần mềm an toàn để lọc thông tin khách hàng, phục vụ cho việc bán hàng trên facebook.

d) Xuyên nhập, làm tổn hại, chiếm đoạt dữ liệu được lưu trữ, truyền đưa qua mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử;

Câu 61: *Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018 có hiệu lực thi hành kể từ ngày, tháng, năm nào?*

- a) Ngày 01/7/2018.
- b) Ngày 01/9/2018.
- c) Ngày 01/01/2019.**
- d) Ngày 12/6/2018.

Câu 62: *Doanh nghiệp viễn thông, Internet, công nghệ thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm gì trong việc phòng ngừa tình huống nguy hiểm về an ninh mạng?*

a) Phối hợp với chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia triển khai các giải pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng;

b) Kịp thời báo cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

c) Áp dụng biện pháp xác định nguồn gốc tấn công mạng, thu thập chứng cứ.

d) **Phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng.**

IV. PHÁP LUẬT VỀ BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

Câu 1: *Vùng biển Việt Nam theo quy định của Luật biển Việt Nam được hiểu như thế nào?*

a) **Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.**

b) Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

c) Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, được xác định theo pháp luật Việt Nam.

d) Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Câu 2: *Vùng biển quốc tế là gì?*

a) Là vùng biển không thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào cả.

b) Là vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam

c) Là vùng biển chung của các quốc gia nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

d) Là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

Câu 3: *Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc quản lý và bảo vệ biển?*

a) Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

b) Bảo vệ biển chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

c) Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

d) Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Câu 4: Cơ quan nào có trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về biển trong phạm vi cả nước?

- a) Quốc hội.
- b) Trung ương Đảng.
- c) Bộ Chính trị.
- d) Chính phủ.**

Câu 5: Hợp tác quốc tế về biển không bao gồm nội dung nào sau đây?

a) Điều tra, nghiên cứu biển, đại dương; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

b) Tranh chấp lãnh hải.

- c) Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và cảnh báo thiên tai.
- d) Bảo vệ đa dạng sinh học biển, hệ sinh thái biển.

Câu 6: Nội thủy theo quy định của Luật biển Việt Nam là gì?

- a) Nội thủy là vùng nước ở trong nội địa của một quốc gia.
- b) Nội thủy là trong nước.
- c) Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.**
- d) Nội thủy là vùng nước ở phía trong đường cơ sở.

Câu 7: Lãnh hải là gì?

- a) Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 10 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.
- b) Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 08 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.
- c) Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 14 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.
- d) Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.**

Câu 8: Vùng đặc quyền kinh tế là gì?

a) Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

b) Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam.

c) Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 250 hải lý tính từ đường cơ sở.

d) Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 220 hải lý tính từ đường cơ sở.

Câu 9: *Khái niệm Đảo theo Luật Biển Việt Nam là gì?*

a) Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này không nhìn thấy.

b) Đảo là một vùng đất tự nhiên nổi lên giữa biển, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.

c) Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.

d) Đảo là một vùng đất tự nhiên giữa biển, khi thủy triều lên vùng đất này bị chìm dưới nước.

Câu 10: *Khái niệm Quần đảo theo Luật Biển Việt Nam là gì?*

a) Quần đảo là một tập hợp các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

b) Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

c) Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo.

d) Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

Câu 11: *Khẳng định nào sau đây là chính xác về quy định chung đối với các hoạt động trong vùng biển Việt Nam?*

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải tôn trọng chủ quyền và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

c) Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

d) Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia của Việt Nam, tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan.

Câu 12: *Hiện nay huyện đảo Hoàng Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?*

a) Thành phố Đà Nẵng.

b) Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Tỉnh An Giang.

d) Tỉnh Trà Vinh.

Câu 13: *Bạn hãy cho biết từ viết tắt DOC là gì?*

a) DOC là tên viết tắt tiếng Anh của quyền tài phán trên Biển Đông.

b) DOC là tên viết tắt tiếng Anh của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông năm 2002.

c) DOC là tên viết tắt của tiếng Anh của Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông.

d) DOC là tên viết tắt tiếng Anh của tuyên bố chung giữa các bên về vấn đề biển Đông.

Câu 14: *Bạn hãy cho biết biển nước ta được phân thành mấy vùng? Đó là những vùng nào?*

a) 02 vùng, gồm: nội thủy; lãnh hải.

b) 03 vùng, gồm: nội thủy; lãnh hải; vùng tiếp giáp lãnh hải.

c) 04 vùng, gồm: nội thủy; lãnh hải; vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

d) 05 vùng, gồm: nội thủy; lãnh hải; vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.

Câu 15: *Bạn hãy cho biết Việt Nam hiện đã xác lập chủ quyền bao nhiêu đảo nổi và đảo chìm ở quần đảo Trường Sa?*

a) 21 đảo.

b) 25 đảo.

c) 30 đảo.

d) 40 đảo.

Câu 16: *Bạn hãy cho biết Việt Nam cùng các quốc gia ASEAN và Trung Quốc đã ký kết bản Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) vào ngày, tháng, năm nào?*

a) Ngày 02/11/2002.

b) Ngày 03/11/2002.

c) Ngày 04/11/2002.

d) Ngày 05/11/2002.

Câu 17: *Hiện nay huyện đảo Trường Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?*

a) Tỉnh Bình Thuận.

b) Tỉnh Khánh Hòa.

c) Tỉnh Kiên Giang.

d) Thành phố Cần Thơ.

Câu 18: *Bờ biển nước ta kéo dài từ tỉnh nào đến tỉnh nào?*

a) Quảng Ninh đến Kiên Giang.

b) Hải Phòng đến Cần Thơ.

c) Thái Bình đến Cà Mau.

d) Nam Định đến Bình Thuận.

Câu 19: *Quần đảo Trường Sa được giải phóng vào ngày, tháng, năm nào?*

a) 30/4/1975.

b) 29/4/1975.

c) 19/4/1975.

d) 15/4/1975.

Câu 20: *Quần đảo nào của nước ta xa bờ nhất?*

a) Trường Sa.

b) Hoàng Sa.

c) Hà Tiên.

d) An Thới.

Câu 21: *Thêm lục địa là gì?*

a) Thêm lục địa là vùng tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam.

b) Thêm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

c) Thêm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm ngoài lãnh hải Việt Nam.

d) Thêm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Câu 22: *Nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam?*

a) Nghiên cứu, điều tra, thăm dò trái phép.

b) Bảo vệ thiết bị và hệ thống bảo đảm hàng hải, thiết bị hay công trình khác.

c) Bảo vệ đường dây cáp và ống dẫn.

d) Bảo tồn tài nguyên sinh vật biển.

Câu 23: *Hoạt động của tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác của nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam phải thực hiện như thế nào? Chọn đáp án đúng nhất.*

a) Phải hoạt động ở trạng thái nổi trên mặt nước và phải treo cờ quốc tịch, trừ trường hợp được phép của Chính phủ Việt Nam hoặc theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ của quốc gia mà tàu thuyền đó mang cờ.

b) Phải hoạt động ở trạng thái nổi trên mặt nước.

c) Phải treo cờ quốc tịch.

d) Phải treo cờ quốc tịch, trừ trường hợp được phép của Chính phủ Việt Nam hoặc theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ của quốc gia mà tàu thuyền đó mang cờ.

Câu 24: *Đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển không bao gồm thành phần nào sau đây?*

a) Các giàn khoan trên biển cùng toàn bộ các bộ phận phụ thuộc khác đảm bảo hoạt động bình thường và liên tục của các giàn khoan hoặc các thiết bị chuyên dùng để thăm dò, khai thác và sử dụng biển.

b) Các loại báo hiệu hàng hải.

c) Các thiết bị, công trình khác được lắp đặt và sử dụng ở biển.

d) Tàu, thuyền của cá nhân, tổ chức nước ngoài đi qua trên biển.

Câu 25: *Nội dung nào sau đây không phải là quy định về gìn giữ, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển Việt Nam?*

a) Khi hoạt động trong vùng biển Việt Nam, tàu thuyền, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ mọi quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan đến việc gìn giữ, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

b) Trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam, Nhà nước có đặc quyền trong việc thực hiện các hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ người và tàu thuyền gặp nạn hoặc nguy hiểm cần sự cứu giúp.

c) Tổ chức, cá nhân hoạt động trên các vùng biển Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản đóng góp về bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

d) Tàu thuyền, tổ chức, cá nhân không được thải, nhận chìm hay chôn lấp các loại chất thải công nghiệp, chất thải hạt nhân hoặc các loại chất thải độc hại khác trong vùng biển Việt Nam.

Câu 26: *Hoạt động nào sau đây không bị cấm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam?*

a) Khai thác trái phép tài nguyên sinh vật, đánh bắt hải sản trái phép.

b) Khai thác trái phép dòng chảy, năng lượng gió và tài nguyên phi sinh vật khác.

c) Đánh bắt hải sản theo quy định.

d) Xây dựng, lắp đặt, sử dụng trái phép các thiết bị, công trình nhân tạo.

Câu 27: *Việc phát triển kinh tế biển có mấy nguyên tắc?*

a) 03 nguyên tắc.

b) 04 nguyên tắc.

c) 05 nguyên tắc.

d) 06 nguyên tắc.

Câu 28: *Nội dung nào sau đây không phải là ngành kinh tế biển được Nhà nước ưu tiên phát triển?*

a) Vận tải biển, cảng biển, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện đi biển và các dịch vụ hàng hải khác.

b) Du lịch biển và kinh tế đảo.

c) **Hàng không.**

d) Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

Câu 29: *Luật Biển Việt Nam có bao nhiêu chương, bao nhiêu điều?*

a) **Gồm 7 chương, 55 điều.**

b) Gồm 7 chương, 50 điều.

c) Gồm 8 chương, 55 điều.

d) Gồm 8 chương, 50 điều.

Câu 30: *Khi nhận biết tình trạng người, tàu thuyền gặp nạn hoặc nguy hiểm hay nhận được tín hiệu cấp cứu của người, tàu thuyền gặp nạn hoặc nguy hiểm cần được cứu giúp, cá nhân, tàu thuyền khác có trách nhiệm cứu giúp không? Chọn câu trả lời đúng.*

a) Không có trách nhiệm.

b) Chỉ có các lực lượng bảo vệ trên biển có trách nhiệm.

c) Chỉ có trách nhiệm khi cá nhân, tàu thuyền là tác nhân gây ra tai nạn hoặc nguy hiểm.

d) Mọi cá nhân, tàu thuyền khác phải bằng mọi cách tiến hành cứu giúp người, tàu thuyền gặp nạn hoặc nguy hiểm nếu điều kiện thực tế cho phép và không gây nguy hiểm đến tàu thuyền, những người đang ở trên tàu thuyền của mình và kịp thời thông báo cho cá nhân, tổ chức liên quan biết.

Câu 31: *Lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển bao gồm những lực lượng nào? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.*

a) Các lực lượng có thẩm quyền thuộc Quân đội nhân dân,

b) Các lực lượng có thẩm quyền thuộc Công an nhân dân.

c) Các lực lượng tuần tra, kiểm soát chuyên ngành.

d) Các lực lượng có thẩm quyền thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, các lực lượng tuần tra, kiểm soát chuyên ngành khác.

Câu 32: *Những lực lượng nào có trách nhiệm tham gia tuần tra, kiểm soát trên biển khi được cơ quan có thẩm quyền huy động? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.*

a) Lực lượng dân quân tự vệ của các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương.

b) Lực lượng bảo vệ của tổ chức, cơ quan đóng ven biển và các lực lượng khác.

d) Lực lượng dân quân tự vệ của các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương, lực lượng bảo vệ của tổ chức, cơ quan đóng ven biển và các lực lượng khác có trách nhiệm tham gia tuần tra, kiểm soát trên biển khi được cơ quan có thẩm quyền huy động.

d) Lực lượng bảo vệ bờ biển.

Câu 33: Khi thi hành nhiệm vụ, tàu thuyền thuộc lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển phải được trang bị cờ, sắc phục và phù hiệu như thế nào?

- a) Treo cờ Tổ quốc.
- b) Treo cờ Đảng.
- c) Treo cờ phướn.

d) Trang bị đầy đủ quốc kỳ Việt Nam, số hiệu, cờ hiệu; cá nhân thuộc lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển được trang bị đầy đủ quân phục, trang phục của lực lượng cùng với các dấu hiệu đặc trưng khác theo quy định của pháp luật.

Câu 34: Theo quy định của Luật Biển Việt Nam, lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển có bao nhiêu nhiệm vụ?

- a) 04 nhiệm vụ.
- b) 05 nhiệm vụ.**
- c) 06 nhiệm vụ.
- d) 07 nhiệm vụ.

Câu 35: Đường bờ biển Việt Nam dài bao nhiêu km?

- a) 3.260 km.**
- b) 3.200 km.
- c) 3.500 km.
- d) 3.600 km.

Câu 36: Cơ quan nào có trách nhiệm quy định chi tiết về chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển kinh tế trên các đảo và hoạt động trên biển?

- a) Quốc hội.
- b) Bộ Tư pháp.
- c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- d) Chính phủ.**

Câu 37: Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở nào? Chọn câu trả lời đúng nhất.

- a) Tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền của Việt Nam.
- b) Tôn trọng pháp luật Việt Nam.
- c) Tôn trọng các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

d) Tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Câu 38: Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố có biển?

- a) 28 tỉnh, thành phố.**
- b) 30 tỉnh, thành phố.

c) 35 tỉnh, thành phố.

d) 40 tỉnh, thành phố.

Câu 39: *Bạn hãy cho biết diện tích Vịnh Bắc Bộ khoảng bao nhiêu km²?*

a) 116.200 km².

b) 126.250 km².

c) 136.350 km².

d) 146.450 km².

Câu 40: *Vịnh Hạ Long mấy lần được UNESCO công nhận là Di sản thế giới? Vào năm nào?*

a) 2 lần vào năm 1994 và năm 2000.

b) 1 lần vào năm 2012.

c) 2 lần vào năm 1990 và năm 2000.

d) Chưa được công nhận lần nào.

Câu 41: *Bộ tem “Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa” thể hiện hình ảnh “Đội Hoàng Sa” - hải đội dưới thời Nguyễn có nhiệm vụ đo đạc, canh giữ chủ quyền Việt Nam trên vùng biển đảo Hoàng Sa và Trường Sa; cùng hình ảnh hai quần đảo này trên các tấm bản đồ cổ của Việt Nam được phát hành vào năm nào?*

a) Năm 1988.

b) Năm 1989.

c) Năm 1990.

d) Năm 2000.

Câu 42: *“Bãi Cát Vàng” là tên gọi ngày xưa của địa danh nào ở thành phố Đà Nẵng?*

a) Quần đảo Hoàng Sa.

b) Bán đảo Sơn Trà.

c) Quần đảo Cát Bà.

d) Quần đảo Cô Tô.

Câu 43: *Đảo Ngọc Phú Quốc là thiên đường nhiệt đới của vịnh nào?*

a) Vịnh Cam Ranh.

b) Vịnh Lăng Cô.

c) Vịnh Nha Trang.

d) Vịnh Thái Lan.

Câu 44: *Một trong ba cảng biển tự nhiên tốt nhất thế giới của nước ta là?*

a) Cảng Cái Lân.

b) Cảng Chân Mây.

c) Cảng Đà Nẵng.

d) Cảng Cam Ranh.

Câu 45: *Bạn hãy cho biết hòn đảo nào trước đây được mệnh danh là “địa ngục trần gian” ở nước ta?*

- a) Côn Sơn.
- b) Cát Bà.
- c) Lý Sơn.

d) Côn Đảo.

Câu 46: *Cục Cảnh sát biển Việt Nam thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân được thành lập vào ngày, tháng, năm nào?*

- a) Ngày 28/8/1997.
- b) Ngày 28/8/1998.**
- c) Ngày 28/8/1999.
- d) Ngày 28/8/2000.

Câu 47: *Đảo Bạch Long Vĩ thuộc vịnh nào của Việt Nam?*

- a) Vịnh Bắc Bộ.**
- b) Vịnh Thái Lan.
- c) Vịnh Hạ Long.
- d) Vịnh Vân Phong.

Câu 48: *Việt Nam nằm ở phía nào của Biển Đông?*

- a) Phía Đông Nam.
- b) Phía Tây.**
- c) Phía Nam.
- d) Phía Tây Bắc.

Câu 49: *Câu nói bất hủ “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển, bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải giữ gìn lấy nó” được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong dịp đến thăm Bộ đội Hải quân lần thứ hai vào tháng, năm nào? Ở đâu?*

- a) Tháng 3/1961, tại Vịnh Hạ Long.**
- b) Tháng 4/1961, tại Vũng Tàu.
- c) Tháng 5/1961, tại Nha Trang.
- d) Tháng 6/1961, tại Phú Quốc.

Câu 50: *Bạn hãy cho biết bãi biển dài nhất ở nước ta là bãi biển nào?*

- a) Trà Cổ (Quảng Ninh).**
- b) Sầm Sơn (Thanh Hóa).
- c) Cửa Lò (Nghệ An).
- d) Đồ Sơn (Hải Phòng).

Câu 51: *Bạn hãy cho biết tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam được chuẩn y ngày tháng năm nào?*

a) Ngày 12 tháng 4 năm 1977.

b) Ngày 12 tháng 5 năm 1977.

c) Ngày 12 tháng 6 năm 1977.

d) Ngày 12 tháng 7 năm 1977.

Câu 52: *Bạn hãy cho biết huyện Côn Đảo có bao nhiêu hòn đảo lớn nhỏ?*

a) 7 hòn đảo lớn nhỏ.

b) 10 hòn đảo lớn nhỏ.

c) 13 hòn đảo lớn nhỏ.

d) 16 hòn đảo lớn nhỏ.

Câu 53: *Bạn hãy cho biết lần đầu tiên Bác Hồ về thăm lực lượng Hải quân Việt Nam vào ngày, tháng, năm nào?*

a) Ngày 30/2/1959.

b) Ngày 30/3/1959.

c) Ngày 30/4/1959.

d) Ngày 30/5/1959.

Câu 54: *Quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền và là nước duy nhất quản lý liên tục, hòa bình, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?*

a) Trung Quốc.

b) Philippine.

c) Việt Nam.

d) Thái Lan.

Câu 55: *Bạn hãy cho biết quanh Biển Đông có bao nhiêu quốc gia tiếp giáp?*

a) 7 quốc gia.

b) 9 quốc gia.

c) 11 quốc gia.

d) 13 quốc gia.

Câu 56: *Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với vấn đề Biển Đông? Chọn câu trả lời đúng nhất.*

a) Việt Nam đã tuyên bố và khẳng định rất rõ ràng lập trường của mình: tranh chấp về chủ quyền ở Biển Đông phải được giải quyết bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế trong đó có Công ước Luật Biển 1982.

b) Vấn đề Biển Đông phải được giải quyết một cách triệt để.

c) Vấn đề Biển Đông phải giải quyết bằng đàm phán song phương.

d) Vấn đề về Biển Đông phải giải quyết bằng đàm phán đa phương.

Câu 57: *Biển Đông rộng khoảng bao nhiêu km²?*

a) **Khoảng 3.447.000 km².**

b) Khoảng 4.447.000 km².

c) Khoảng 5.447.000 km².

d) Khoảng 6.447.000 km².

Câu 58: *Bạn hãy cho biết Lãnh hải của nước CHXHCNVN rộng bao nhiêu hải lý?*

a) 8 hải lý.

b) 10 hải lý.

c) **12 hải lý.**

d) 14 hải lý.

Câu 59: *Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh nào?*

a) **Kiên Giang.**

b) Tiền Giang.

c) Long An.

d) Hậu Giang.

Câu 60: *Năm 1933, Pháp đã sáp nhập Trường Sa vào tỉnh nào?*

a) **Bà Rịa.**

b) Kiên Giang.

c) Gia Định.

d) Khánh Hòa.

Câu 61: *Theo Luật Biển Việt Nam, khi tiến hành bắt, tạm giữ, tạm giam người có hành vi vi phạm pháp luật, hoặc tạm giữ tàu thuyền nước ngoài, lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho Bộ nào?*

a) Bộ Công an.

b) Bộ Tư pháp.

c) Tòa án nhân dân tối cao.

d) **Bộ Ngoại giao.**

Câu 62: *Các nước ASEAN ra tuyên bố riêng 06 điểm về Biển Đông tái khẳng định cam kết của các nước ASEAN về việc giải quyết tranh chấp trên Biển Đông vào ngày, tháng, năm nào?*

a) **20/7/2012.**

b) 20/7/2013.

c) 20/7/2014.

d) 20/7/2010.

Câu 63: *Việt Nam đã xác lập thực hiện chủ quyền đối với 02 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thời gian nào?*

a) Thế kỷ XV.

b) Thế kỷ XVI.

c) **Thế kỷ XVII.**

d) Thế kỷ XIV./.

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI